

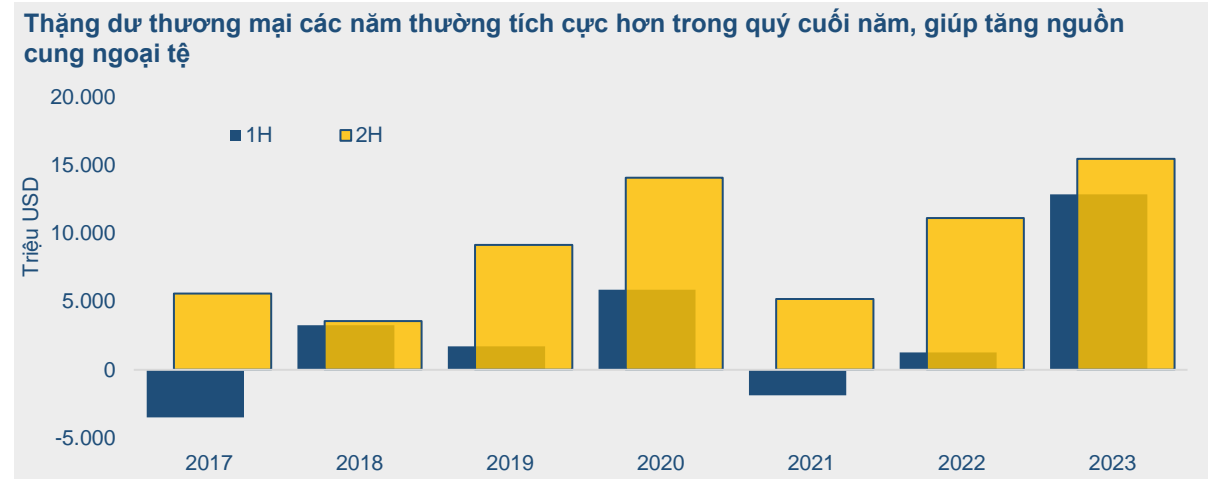
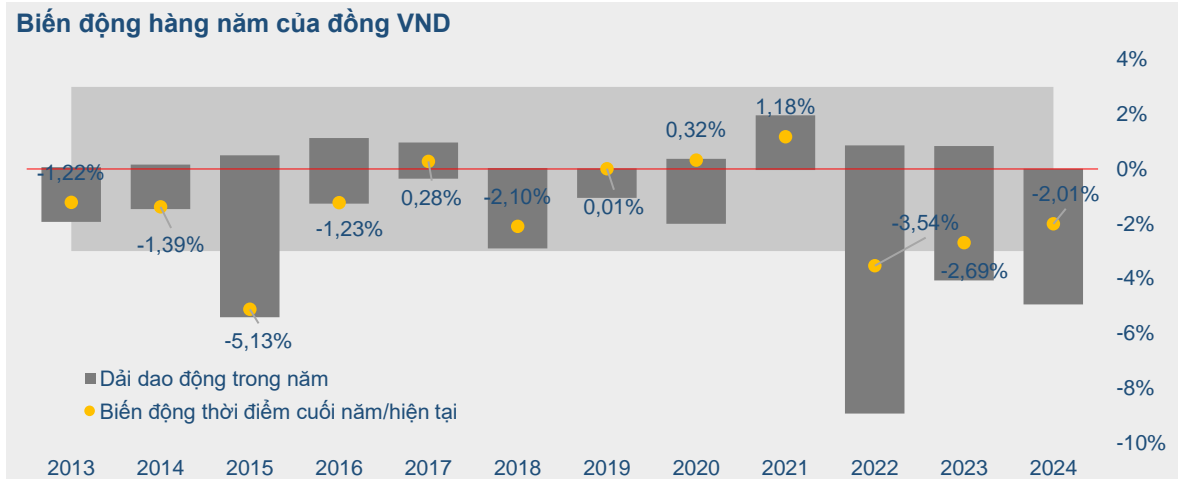
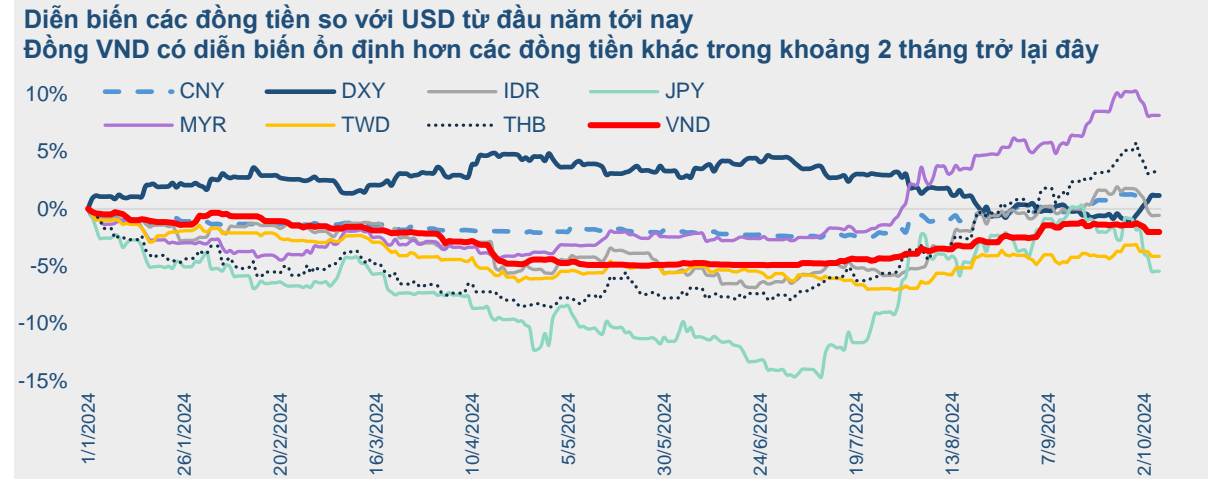
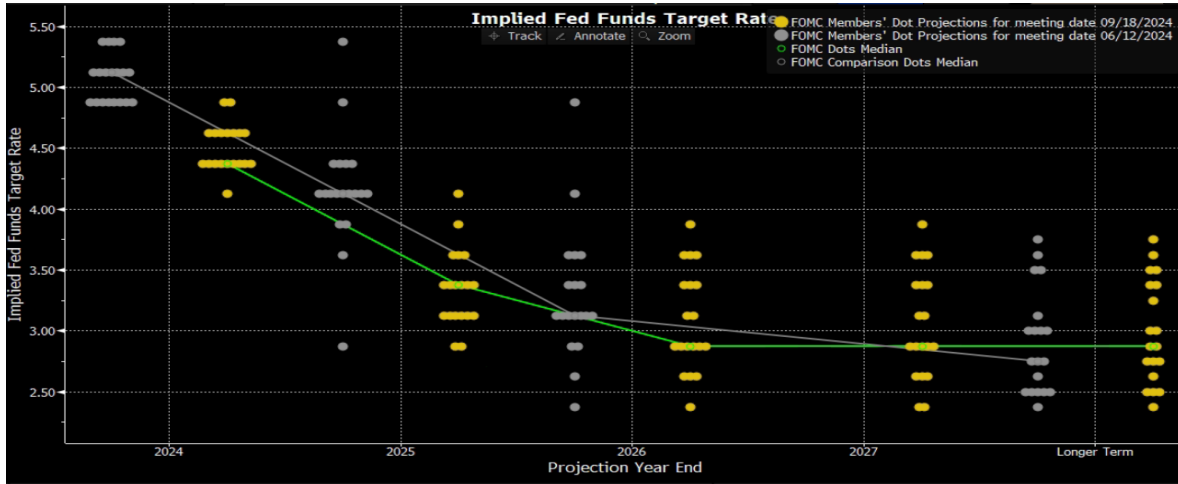
TRIỂN VỌNG VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG – Q4.2024

BVSC RESEARCH – 10/2024



Tỷ giá

Fed bắt đầu chu kỳ hạ lãi suất và kỳ vọng sẽ cắt giảm thêm trong cả 2 cuộc họp cuối năm. Yếu tố này cùng nguồn cung ngoại tệ tích cực trong quý cuối năm kỳ vọng sẽ hỗ trợ cho VND tiếp tục có diễn biến ổn định. Dự báo VND sẽ giảm giá 1-2% tới cuối năm 2024.

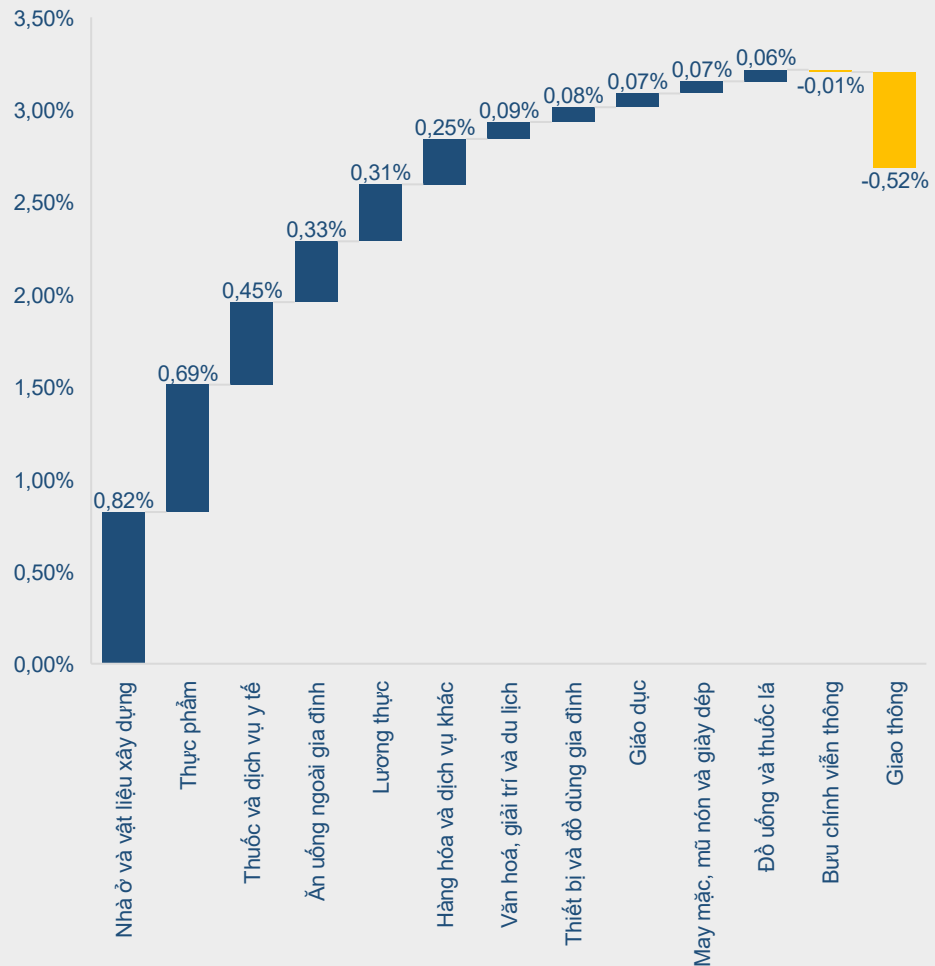


Nguồn: Bloomberg, BVSC tổng hợp

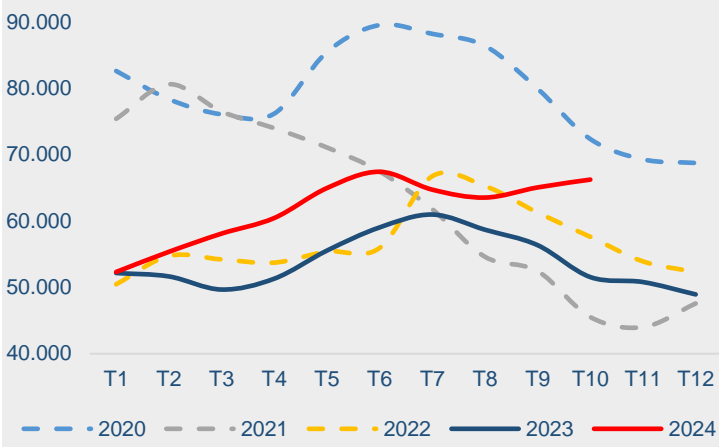
Lạm phát

Việc giá điện tăng trở lại trong tháng 10 sẽ phản ánh vào CPI tháng 11 và 12, khiến chỉ số CPI 2 tháng cuối năm quay trở lại trên 3% (so với 2,63% trong tháng 9). Dù vậy, với tốc độ tăng CPI đã chậm lại trong các tháng gần đây, dự báo lạm phát cả năm 2024 sẽ chỉ ở khoảng 3,5-3,8% - thấp hơn mục tiêu 4-4,5% mà Chính phủ đặt ra.

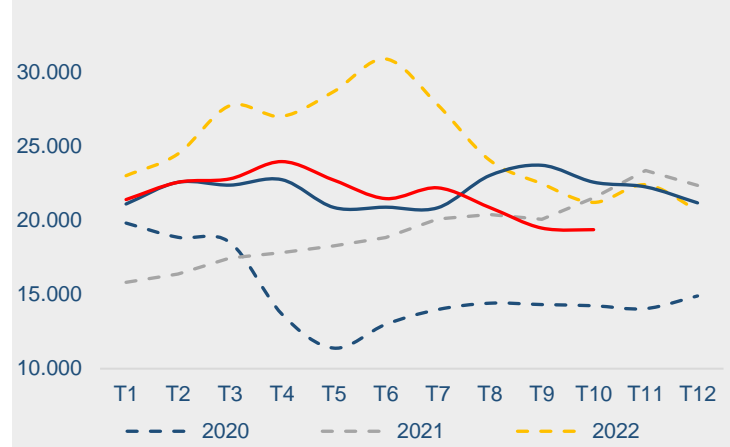
Đóng góp của các nhóm hàng vào chỉ số CPI



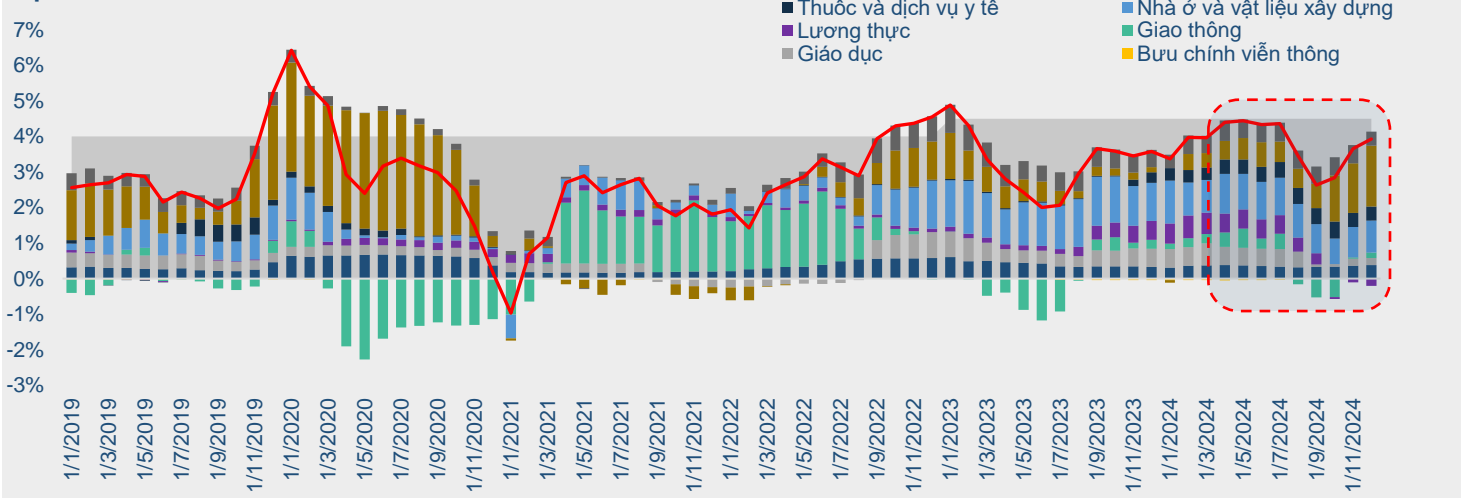
Giá heo hơi trong nước (đồng/kg)



Giá xăng RON92 trong nước (đồng/lít)



Dự báo diễn biến chỉ số CPI YoY

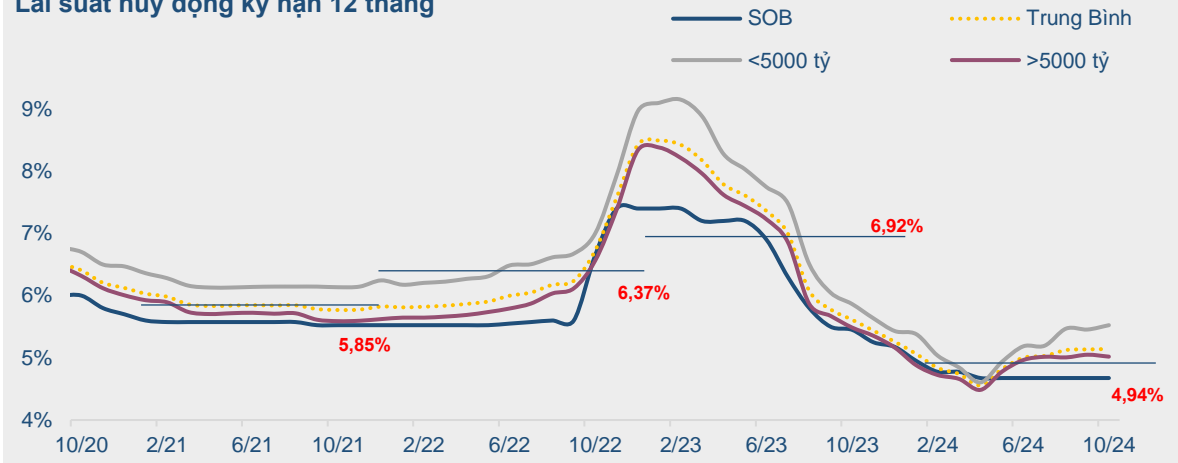


Nguồn: GSO, BVSC tổng hợp

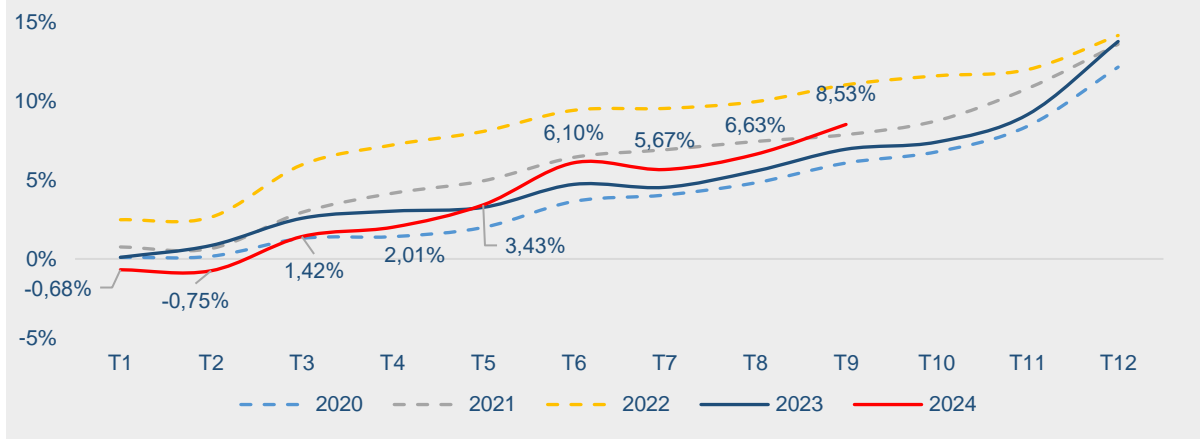
Lãi suất

Tốc độ tăng lãi suất huy động chậm lại trong các tháng gần đây và vẫn giữ mặt bằng thấp. Với áp lực tỷ giá và lạm phát giảm bớt, NHNN có thể tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ mở rộng trong quý cuối năm.

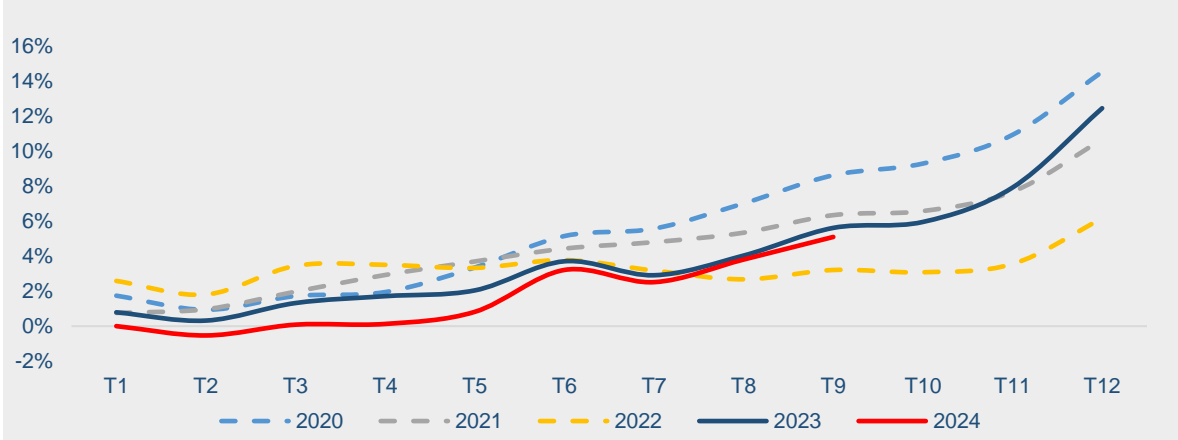
Lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng



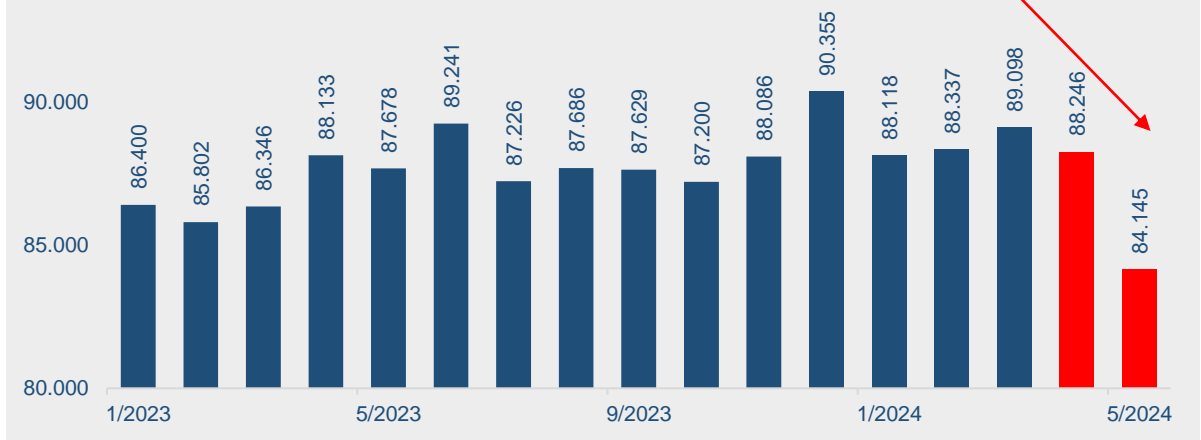
Tăng trưởng tín dụng hàng năm



Tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán YTD



Dự trữ ngoại hối (Triệu USD)

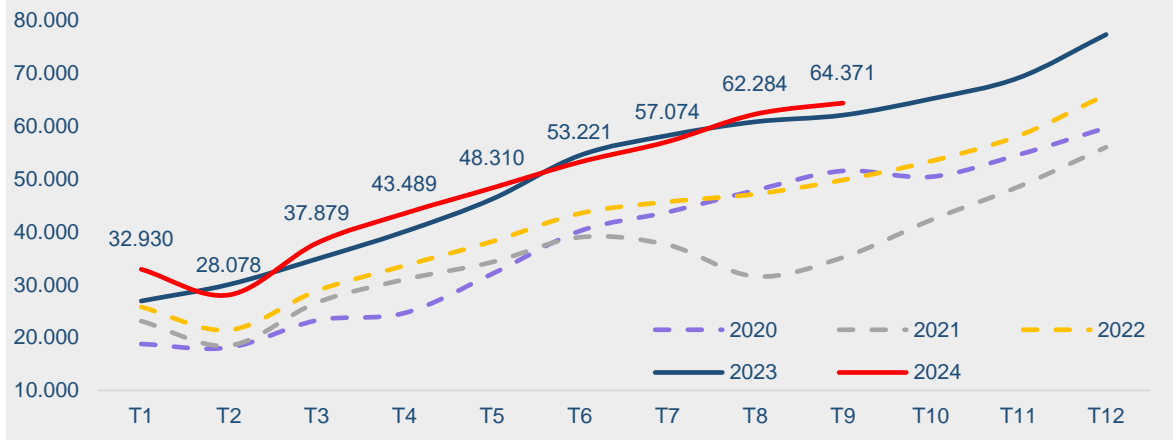


Nguồn: IMF, NHNN, BVSC tổng hợp

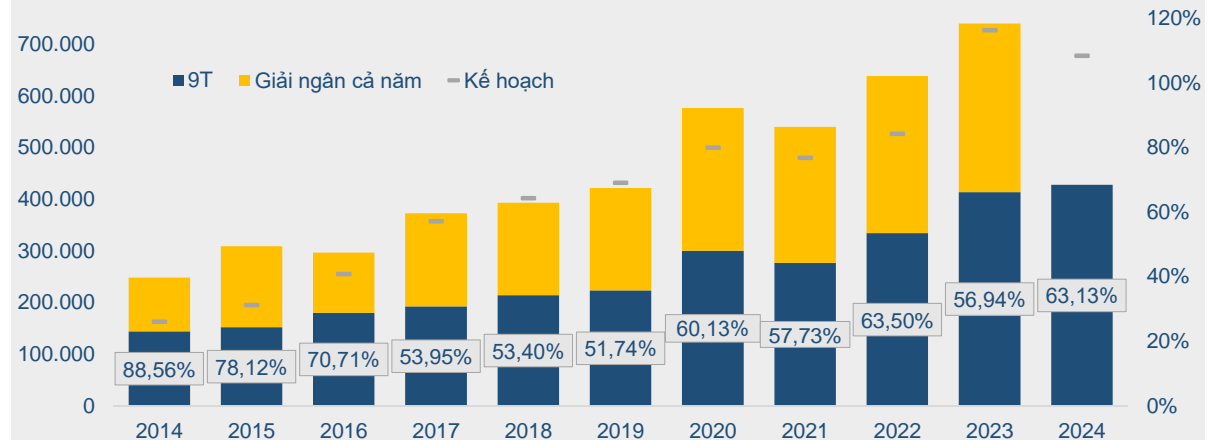
Động lực tăng trưởng

Đầu tư công – tiếp tục tăng trưởng chậm do nền cao trong cùng kỳ. Với dư địa còn lại không quá lớn, đầu tư công 2024 có thể về đích hoàn thành 100% kế hoạch đặt ra.

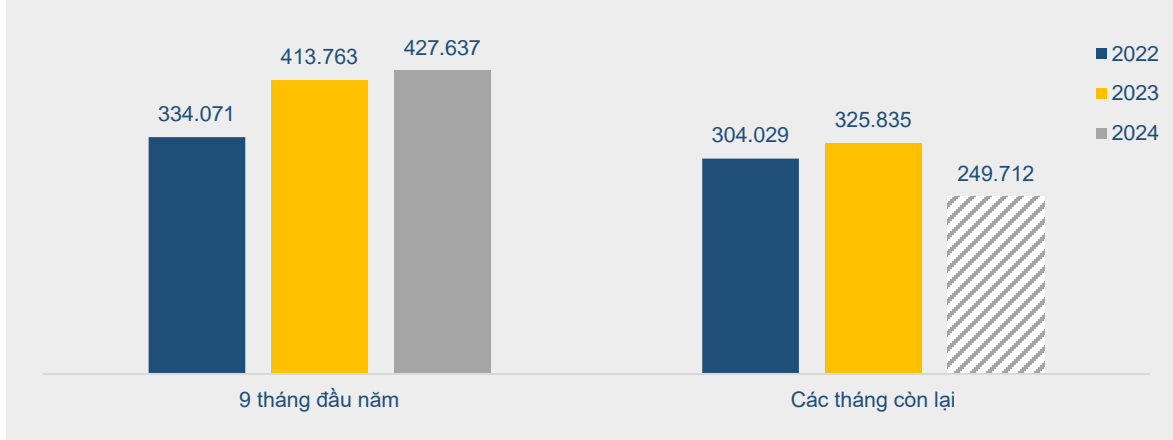
Giá trị giải ngân đầu tư công theo tháng (Tỷ đồng)



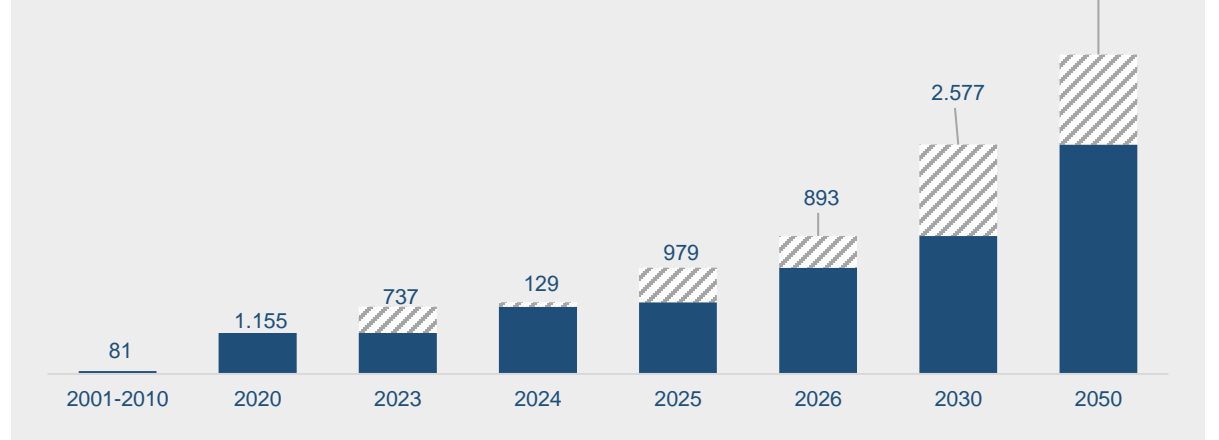
Kế hoạch và lượng giải ngân trong các năm gần đây (Tỷ đồng)



Dư địa giải ngân vốn đầu tư công (Tỷ đồng)



Tốc độ gia tăng số km cao tốc

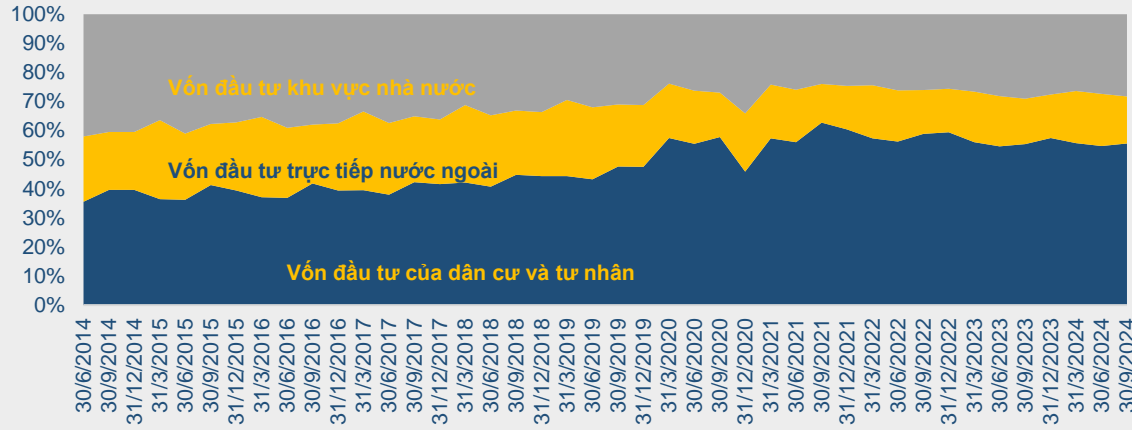


Nguồn: GSO, BVSC tổng hợp

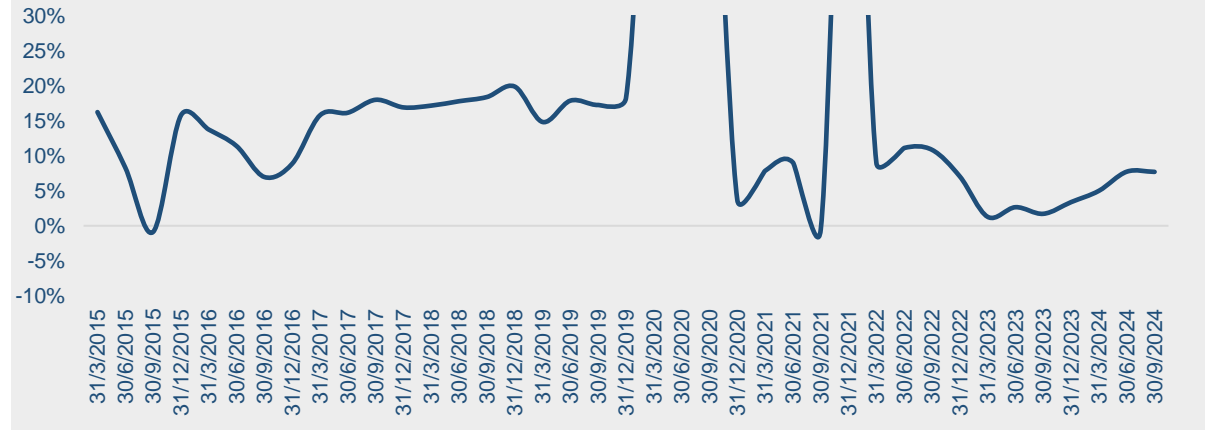
Động lực tăng trưởng

Đầu tư tư nhân – Tốc độ tăng tốt dần lên các quý gần đây. Với mặt bằng lãi suất thấp cùng triển vọng kinh tế tốt hơn, đầu tư tư nhân kỳ vọng mở rộng đà tăng trong quý cuối năm.

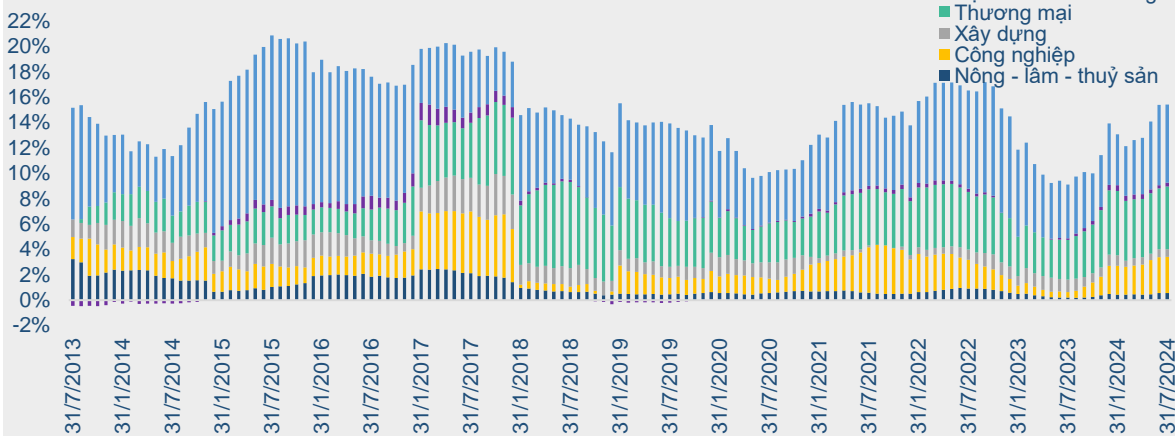
Tỷ trọng các khu vực trong Tổng vốn đầu tư toàn xã hội



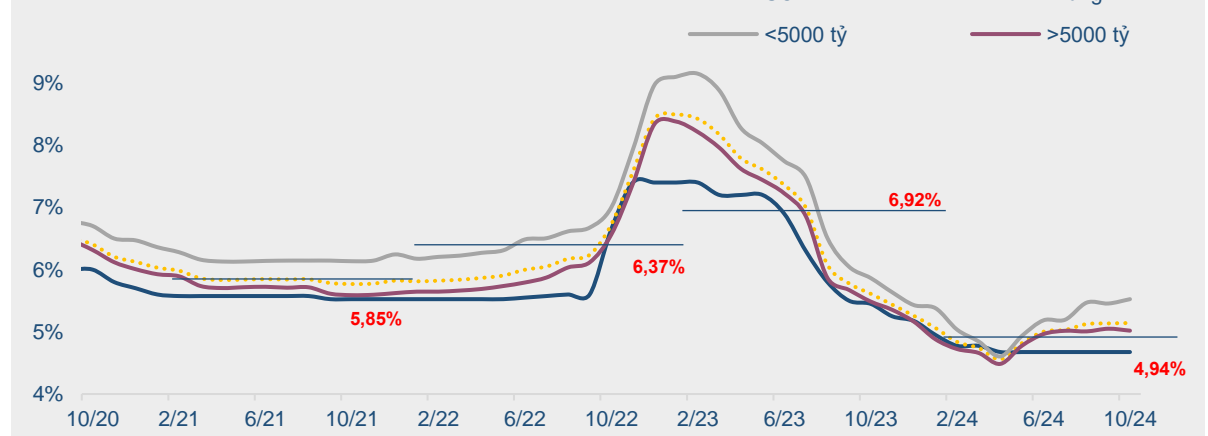
Tăng trưởng vốn đầu tư của dân cư và tư nhân YoY



Đóng góp của các nhóm vào tăng trưởng tín dụng



Lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng

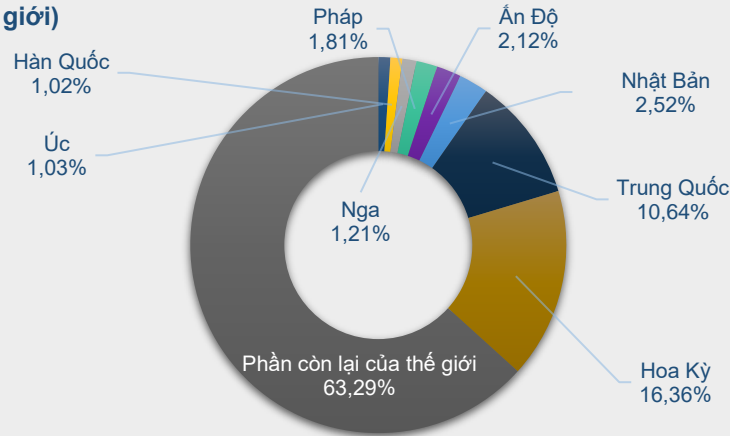


Nguồn: GSO, EIU, BVSC tổng hợp

Động lực tăng trưởng

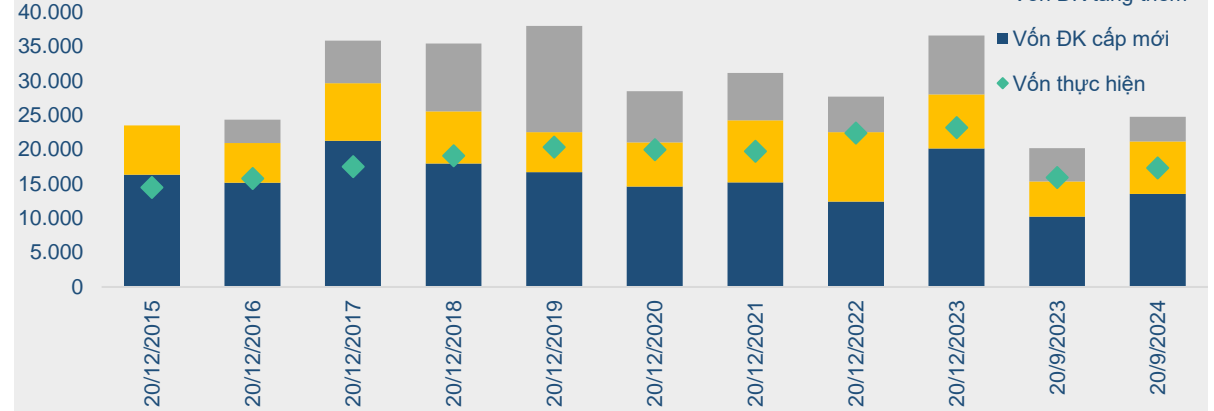
FDI – Việt Nam tiếp tục mở rộng quan hệ ngoại giao và có 8 đối tác chiến lược toàn diện.

Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 8 quốc gia lớn trên thế giới (chiếm xấp xỉ 37% GDP thế giới)

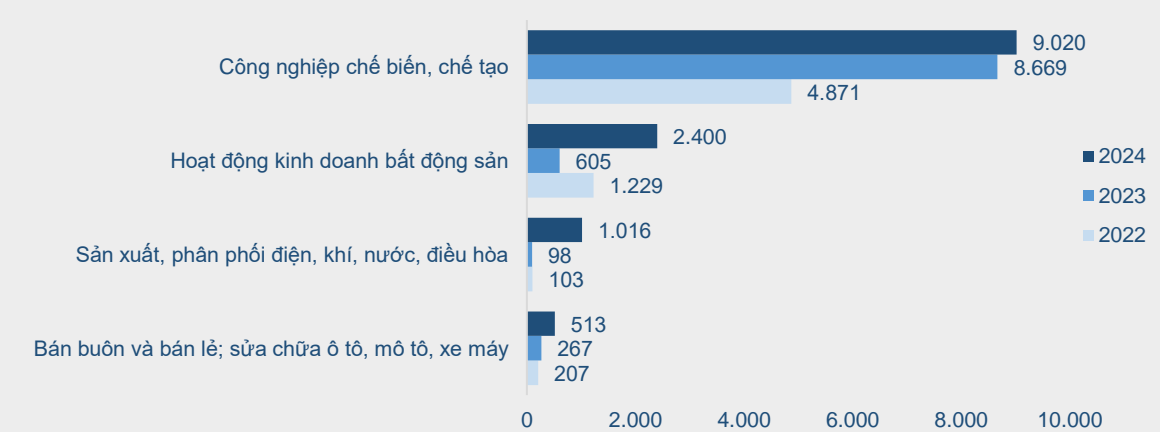


Vốn đầu tư FDI (Triệu USD)

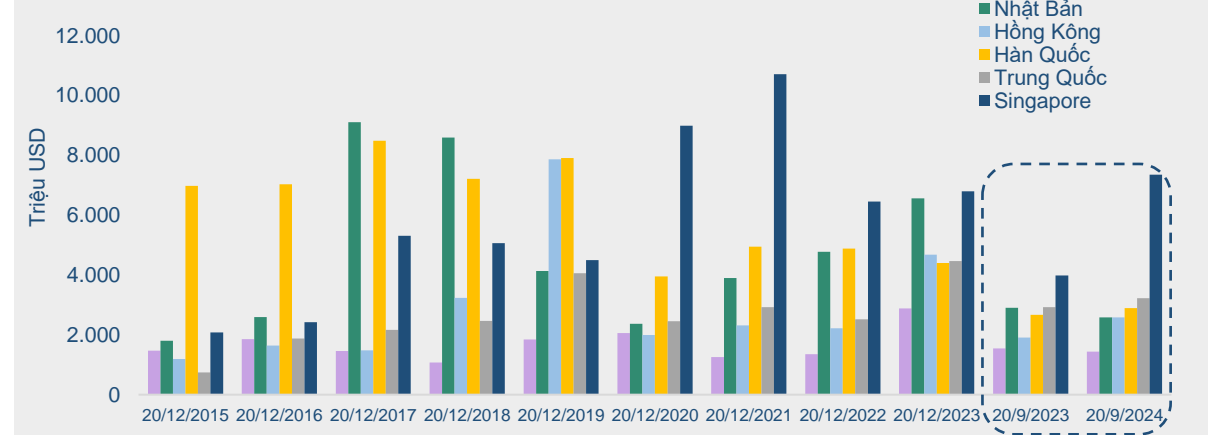
Tình hình thu hút vốn FDI vẫn diễn ra tích cực trong 9 tháng đầu năm



Vốn FDI đăng ký mới lũy kế 9 tháng vào một số ngành chính (Triệu USD)



Các đối tác FDI lớn của Việt Nam

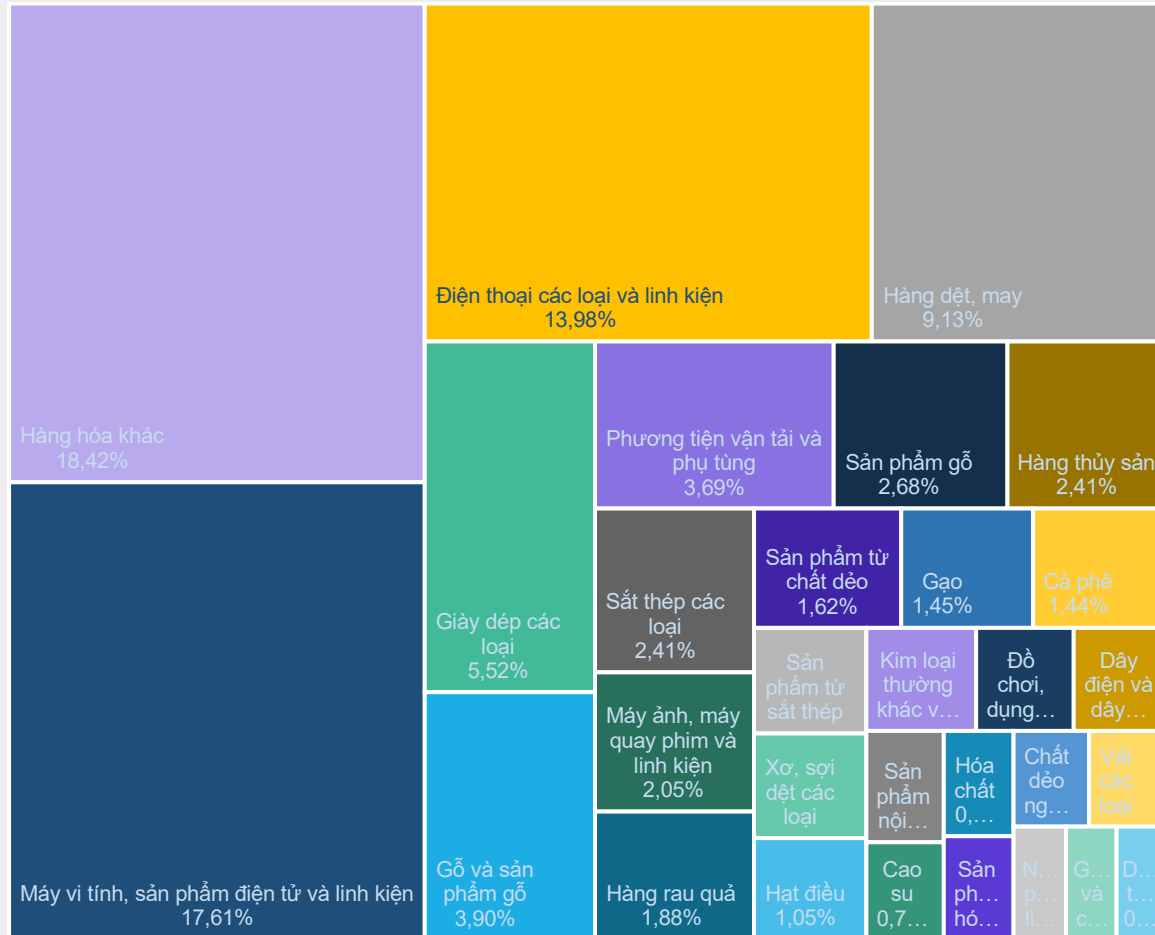


Nguồn: MPI, IMF, BVSC tổng hợp

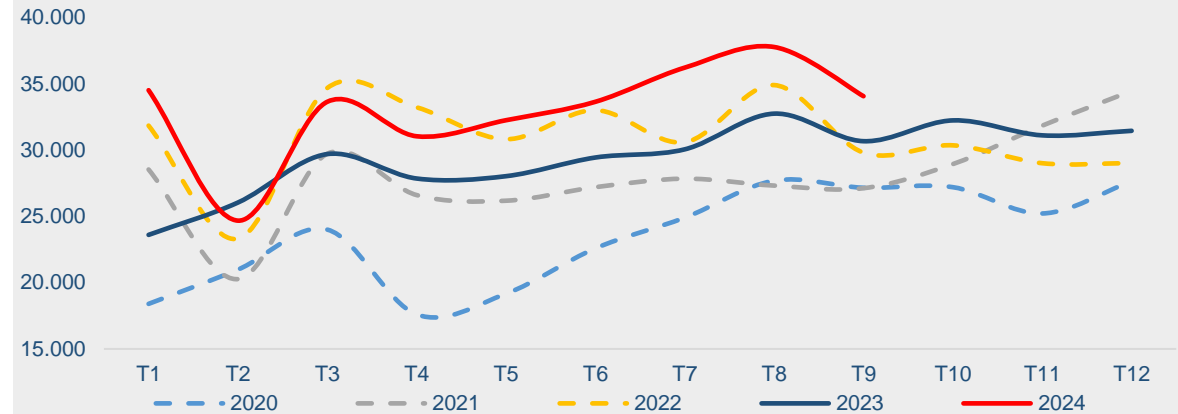
Động lực tăng trưởng

Xuất khẩu – Hồi phục tích cực 9 tháng đầu năm, tăng 15,71% YoY. Đáng chú ý, giá trị xuất khẩu mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện tiếp tục thu hẹp tỷ trọng.

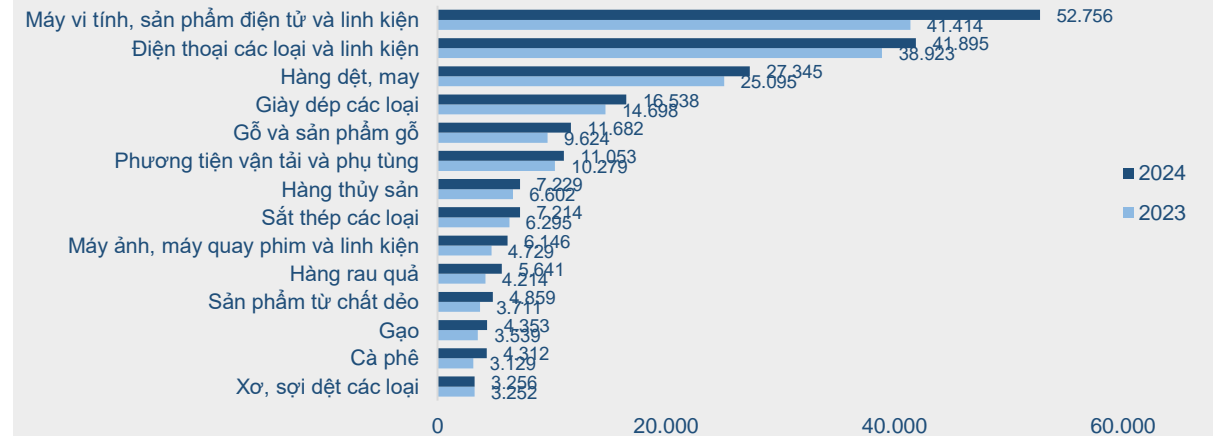
Tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa lũy kế



Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa hàng tháng (Triệu USD)



Giá trị xuất khẩu lũy kế từ đầu năm của một số mặt hàng chính (Triệu USD)

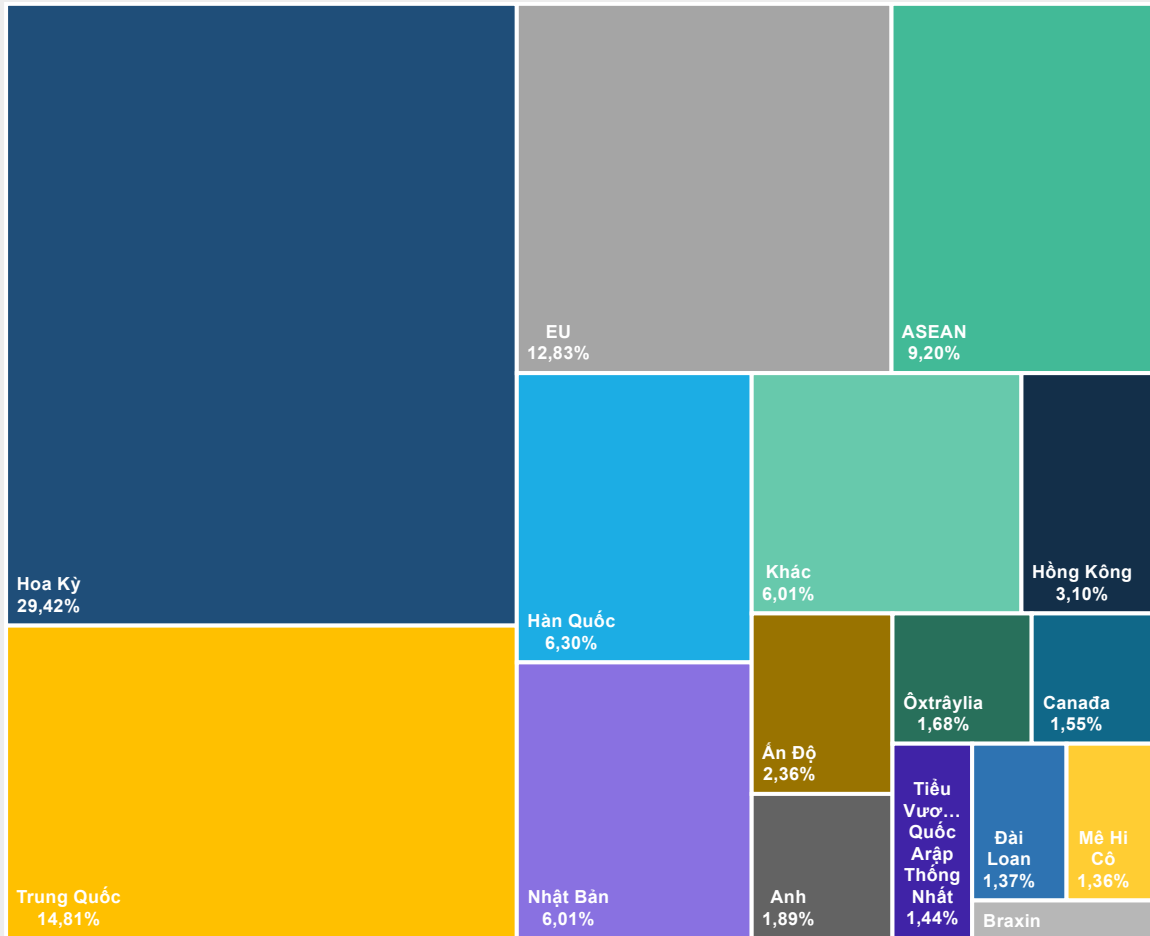


Nguồn: TCTK, TCHQ, BVSC tổng hợp

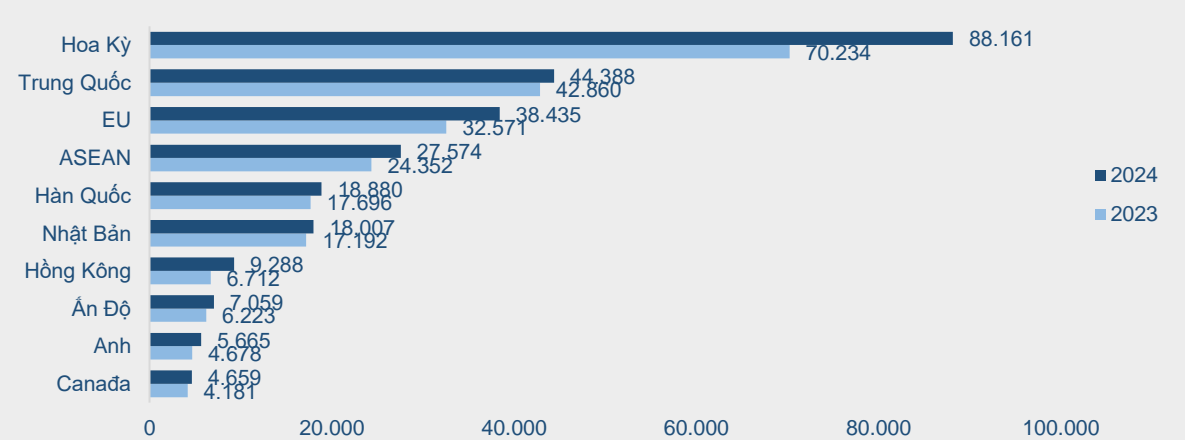
Động lực tăng trưởng

Xuất khẩu – Đóng góp lớn nhất đến từ thị trường Hoa Kỳ và châu Âu, trong khi xuất khẩu sang Trung Quốc gặp khó khăn.

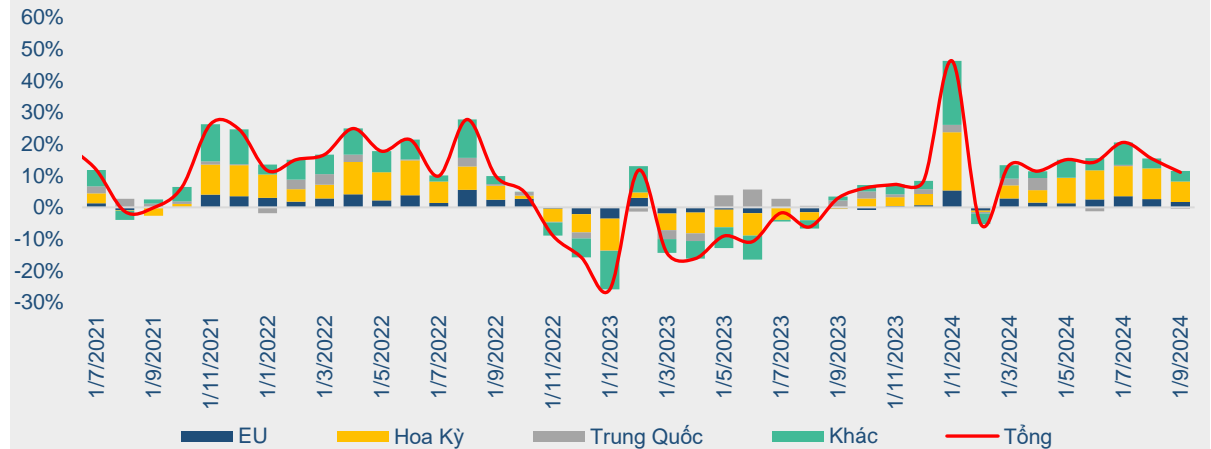
Tỷ trọng xuất khẩu lũy kế sang một số thị trường chính 9T2024



Giá trị xuất khẩu lũy kế từ đầu năm vào một số thị trường chính (Triệu USD)



Đóng góp vào tăng trưởng xuất khẩu hàng tháng

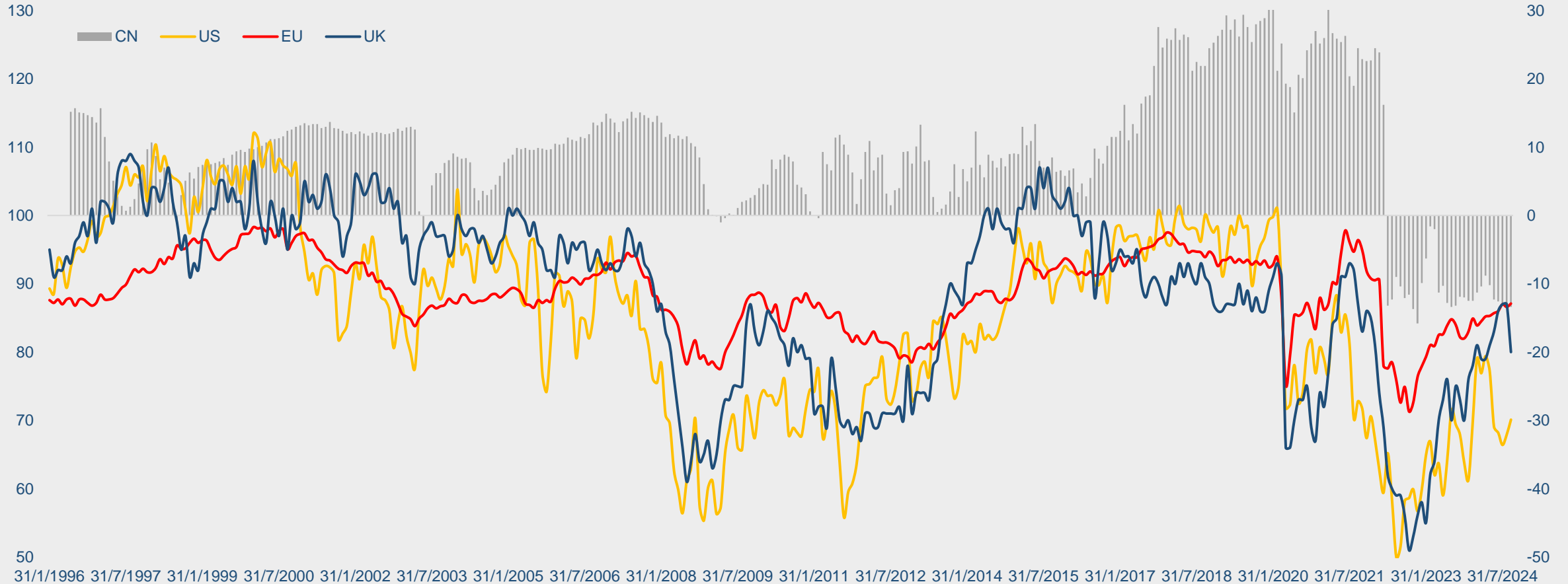


Nguồn: TCTK, TCHQ, BVSC tổng hợp

Động lực tăng trưởng

Xuất khẩu – Chỉ số niềm tin người tiêu dùng của một số nước tích cực hơn kỳ vọng sẽ hỗ trợ cho xuất khẩu duy trì đà tăng trong quý cuối năm. Trong khi đó, các gói kích thích kinh tế kỳ vọng sẽ giúp kinh tế Trung Quốc tích cực hơn, qua đó mở ra triển vọng hồi phục xuất khẩu vào thị trường này.

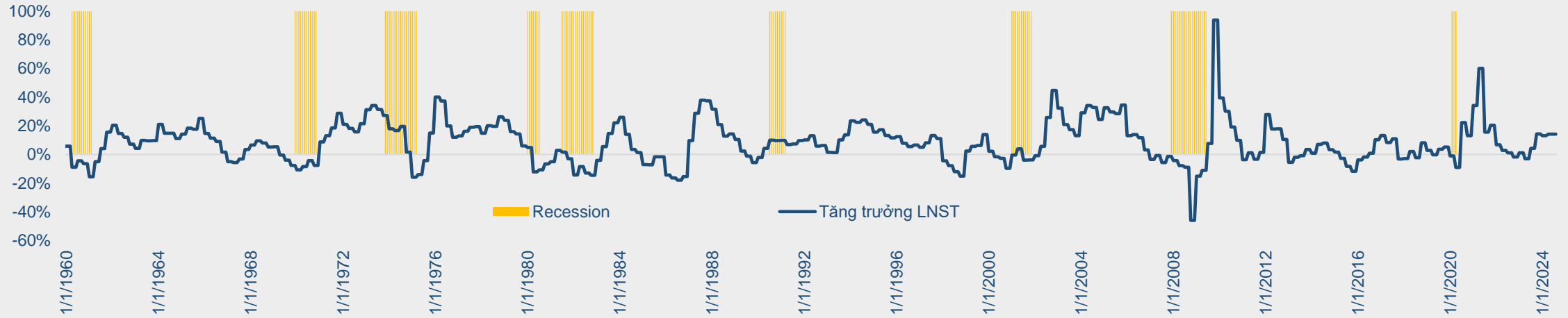
Ngoại trừ Trung Quốc, niềm tin người tiêu dùng của các quốc gia lớn như Mỹ, châu Âu, Anh đều đang có xu hướng tốt lên
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng của một số nước



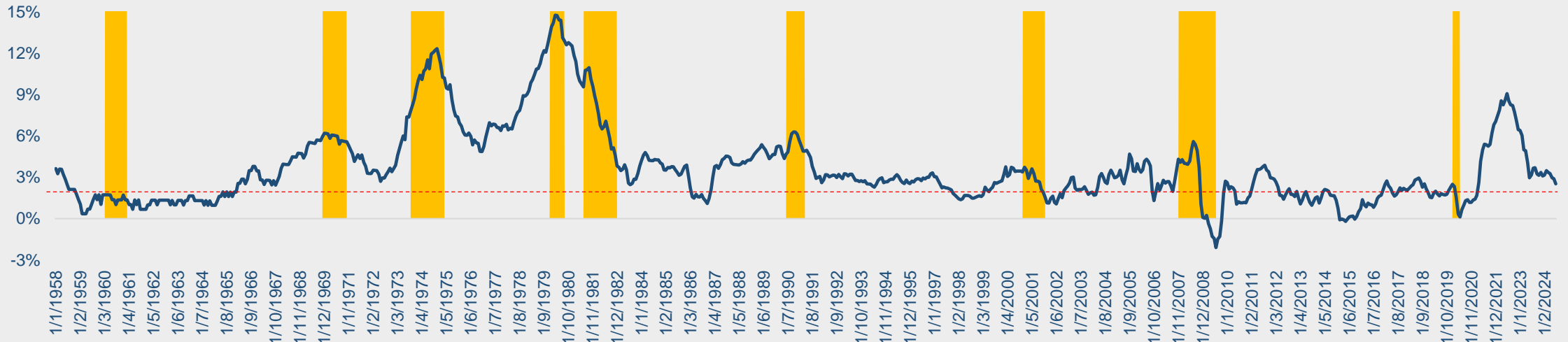
Động lực tăng trưởng

Xuất khẩu – Rủi ro suy thoái của Mỹ vẫn thấp do lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp vẫn đang tăng trưởng tốt và CPI đã hạ nhiệt đáng kể. Trong khi đó, rủi ro thuế nhập khẩu tăng sau bầu cử tổng thống có thể thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường nhập khẩu thời điểm hiện tại. Xuất khẩu sang thị trường này kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng.

Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp Mỹ

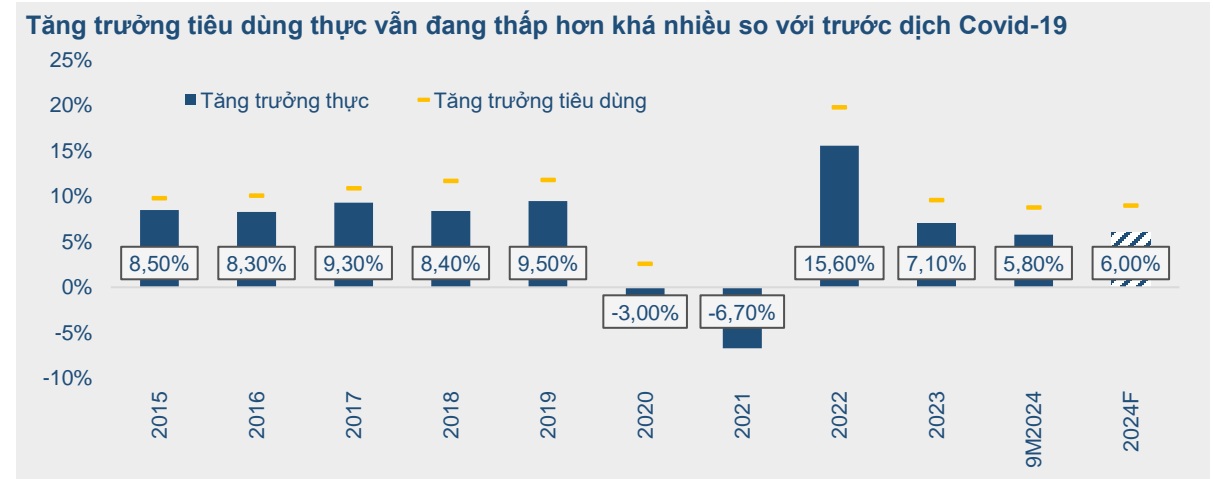
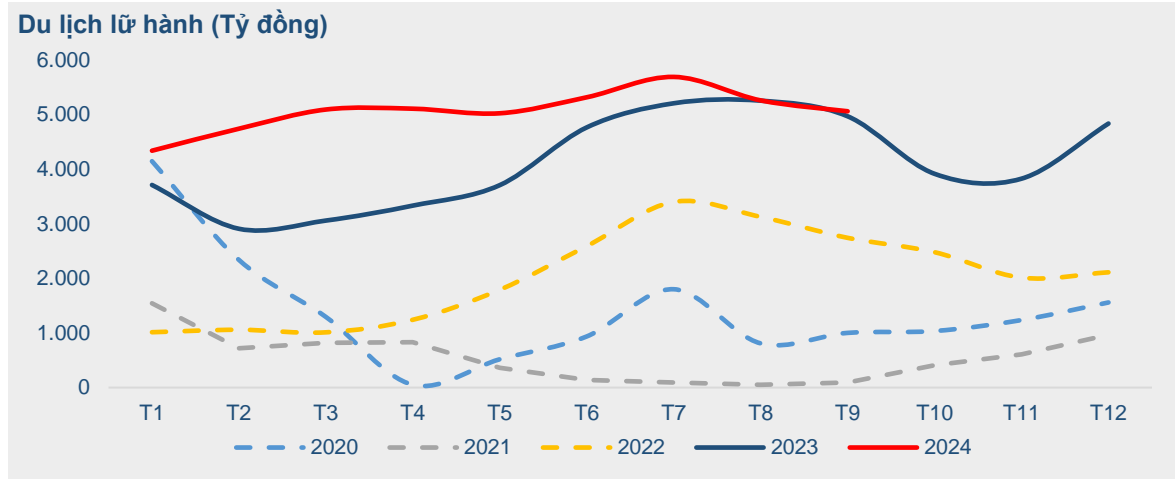
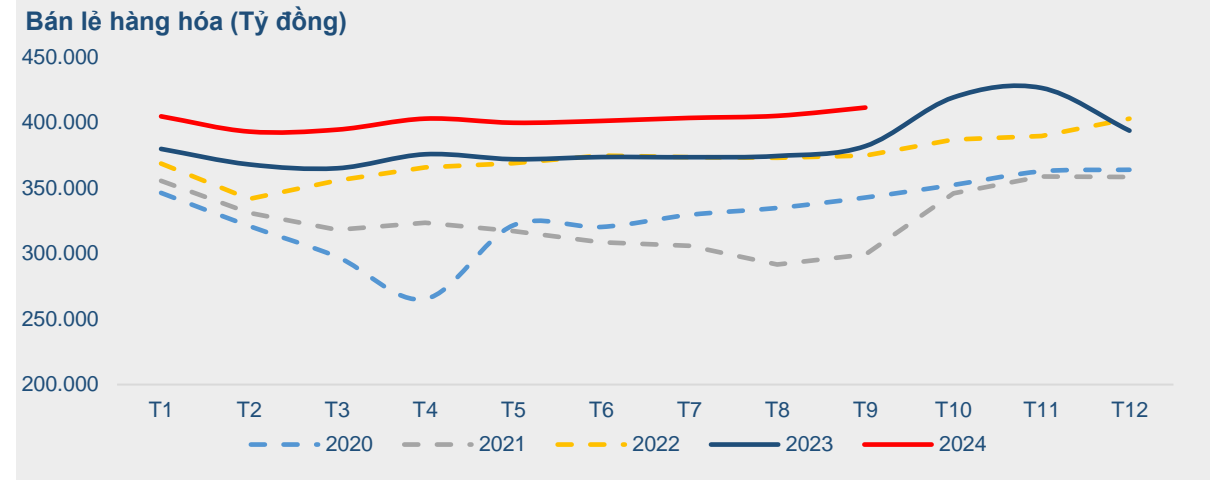
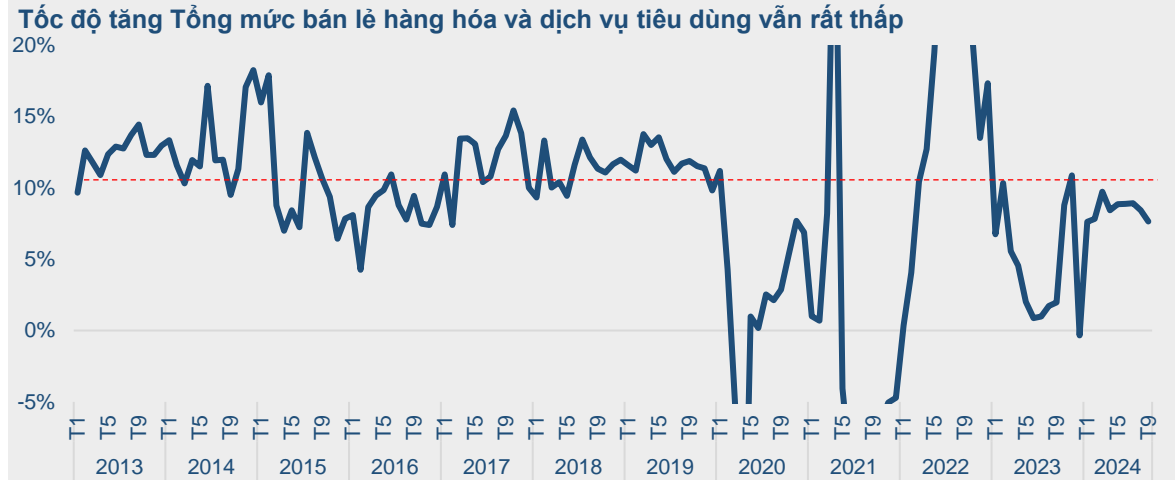


CPI YoY



Động lực tăng trưởng

Tiêu dùng – tăng trưởng vẫn yếu. Kỳ vọng quý cuối năm tích cực hơn nhờ hiệu ứng lan tỏa từ xuất khẩu phục hồi, lương tăng và thị trường bất động sản tích cực hơn.

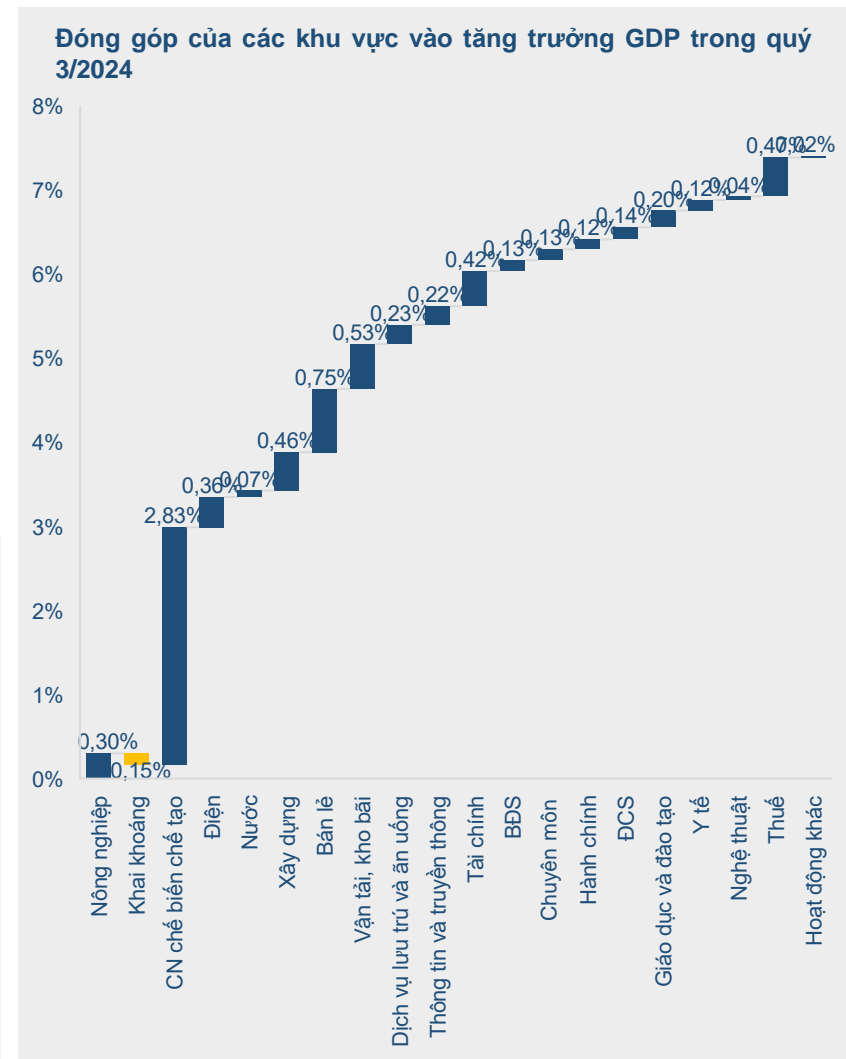
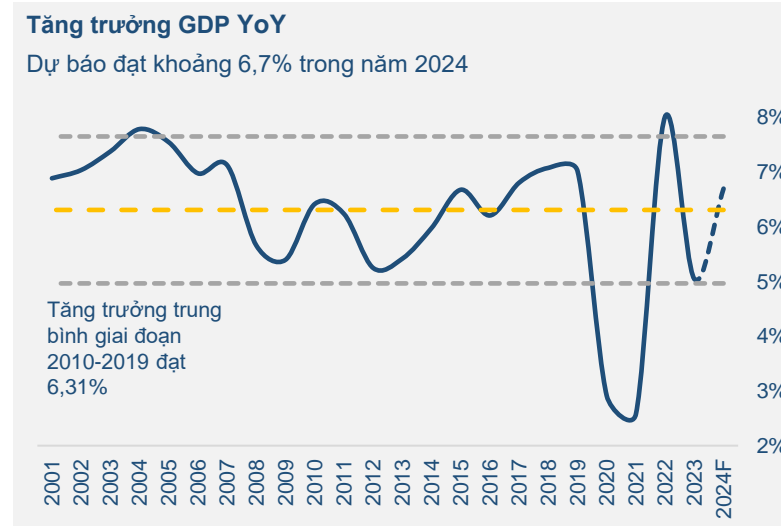
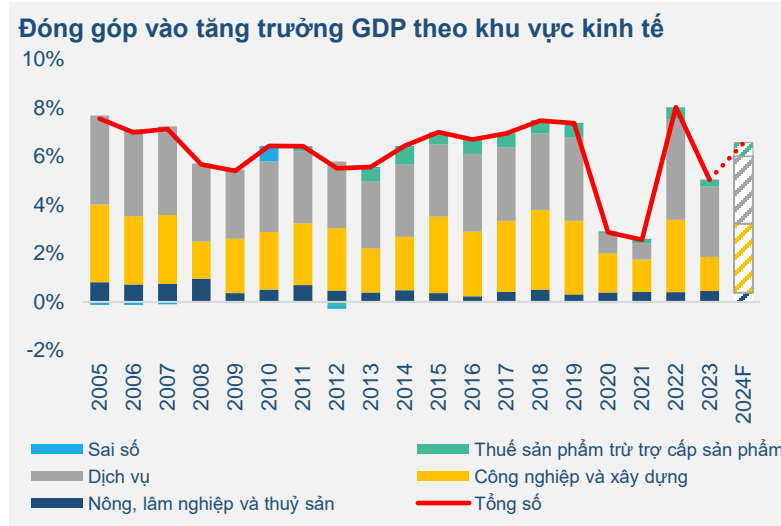


Nguồn: GSO, BVSC tổng hợp

Dự báo GDP 2024

Với kỳ vọng chính sách tiền tệ tiếp tục nới lỏng và tăng trưởng tín dụng được đẩy mạnh trong quý cuối năm, tăng trưởng GDP quý 4 dự báo duy trì ở mức cao, giúp tăng trưởng GDP cả năm đạt mức 6,5-6,7%.

	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Động lực tăng trưởng chính	Tiêu dùng trong nước			Tiêu dùng trong nước		
	Xuất khẩu	Xuất khẩu	Xuất khẩu	Xuất khẩu		Xuất khẩu
	Đầu tư tư nhân và FDI	Đầu tư công		Đầu tư công	Đầu tư công	FDI và đầu tư tư nhân



Nguồn: GSO, BVSC tổng hợp

VnIndex tiếp tục lỗ hện với mốc kháng cự 1.300 điểm trong quý 3

Diễn biến thị trường trong quý 3 vẫn tiếp nối xu hướng đi ngang trung hạn kéo dài từ đầu quý 2/2024. VnIndex chịu áp lực giảm sâu trong giai đoạn đầu quý do ảnh hưởng tiêu cực từ TTCK thế giới. Đà tăng trở lại với thị trường trong nước trong nửa sau của quý 3 khi các yếu tố tích cực xuất hiện như Fed hạ lãi suất, Thông tư 68 hỗ trợ giải quyết "prefunding" cho nhà đầu tư nước ngoài...

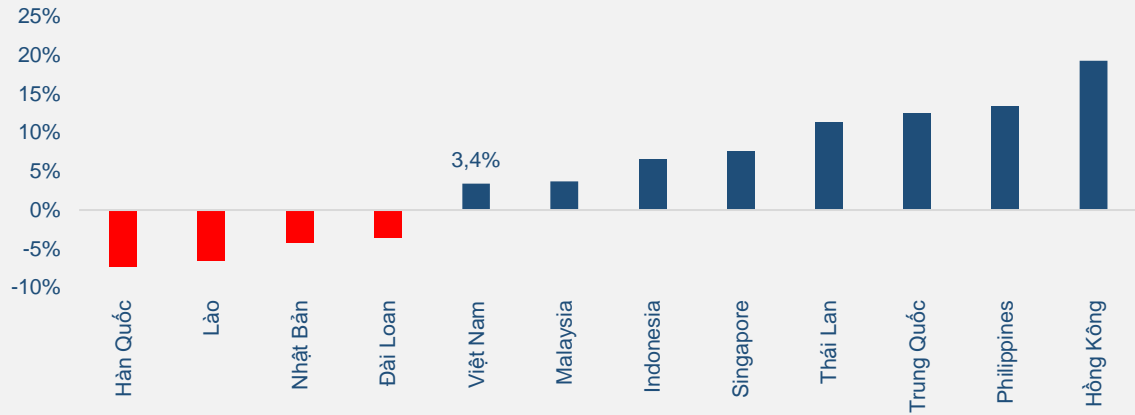


Nguồn: Bloomberg, BVSC tổng hợp

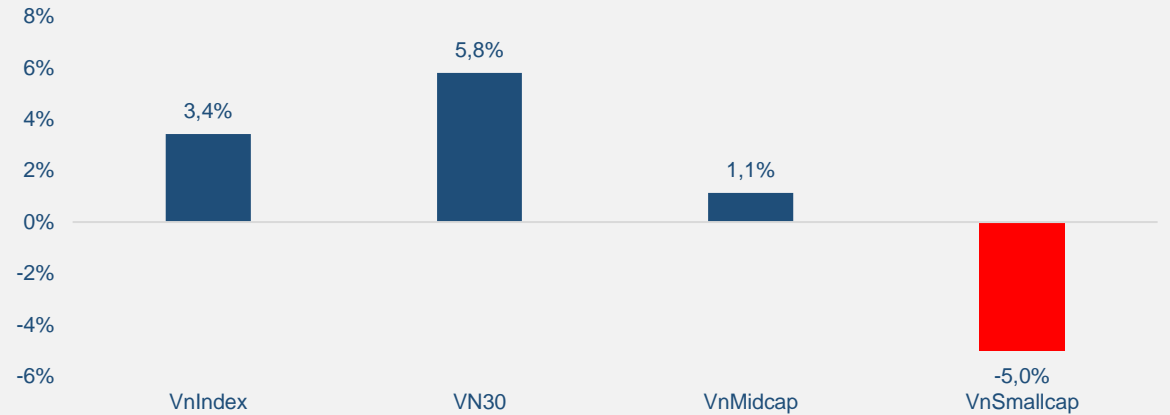
Bức tranh TTCK quý 3

VnIndex tăng 3,4% trong quý 3, mức tăng tương đối khiêm tốn so với các thị trường khác trong khu vực. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm ngành Ngân hàng dẫn dắt đà tăng của thị trường.

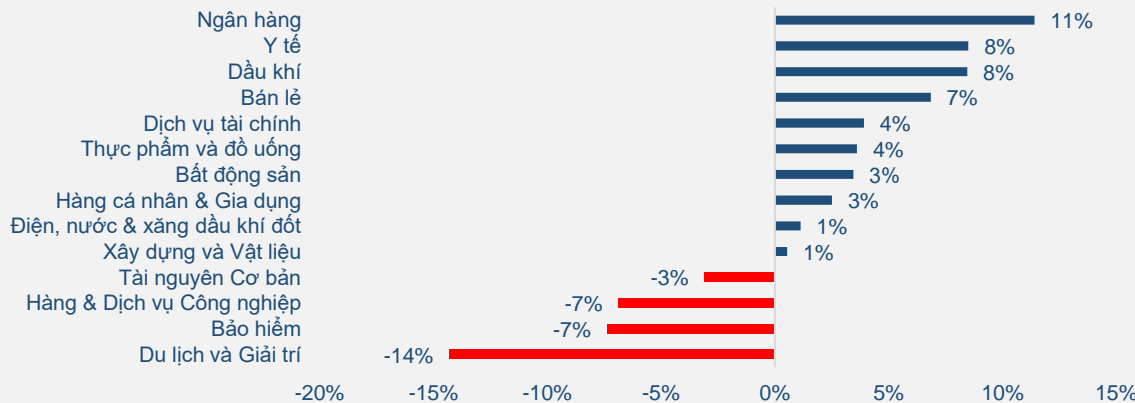
Diễn biến một số thị trường trong quý 3.2024



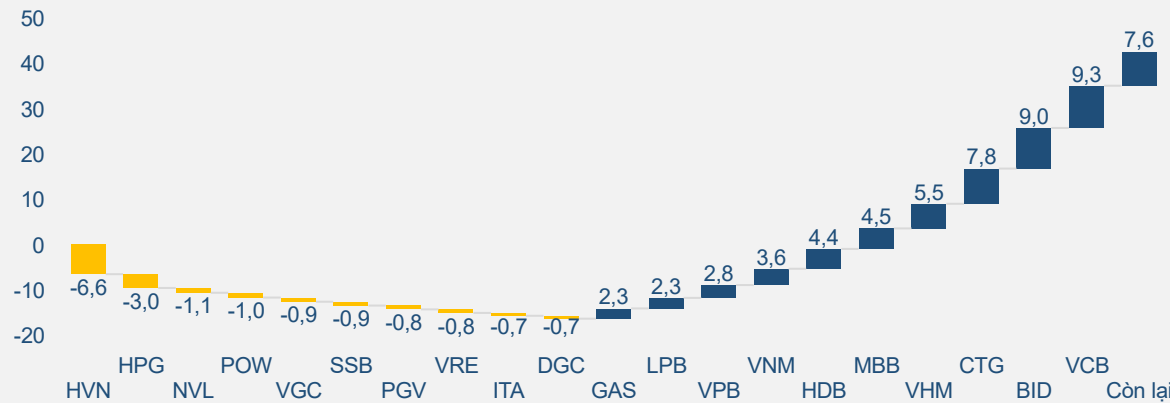
Tăng trưởng điểm số trong quý 3.2024



Biến động chỉ số ngành trong quý 3.2024



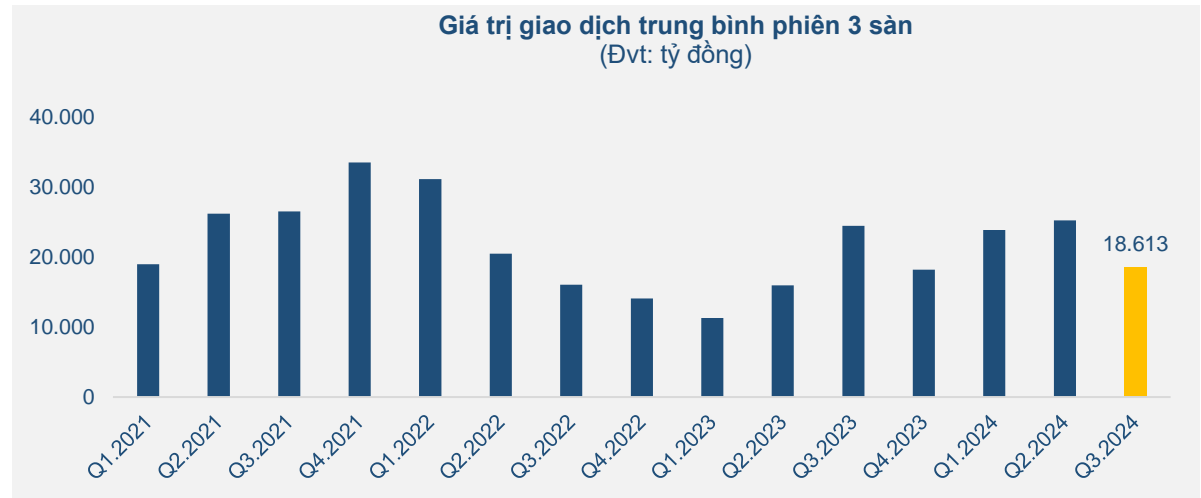
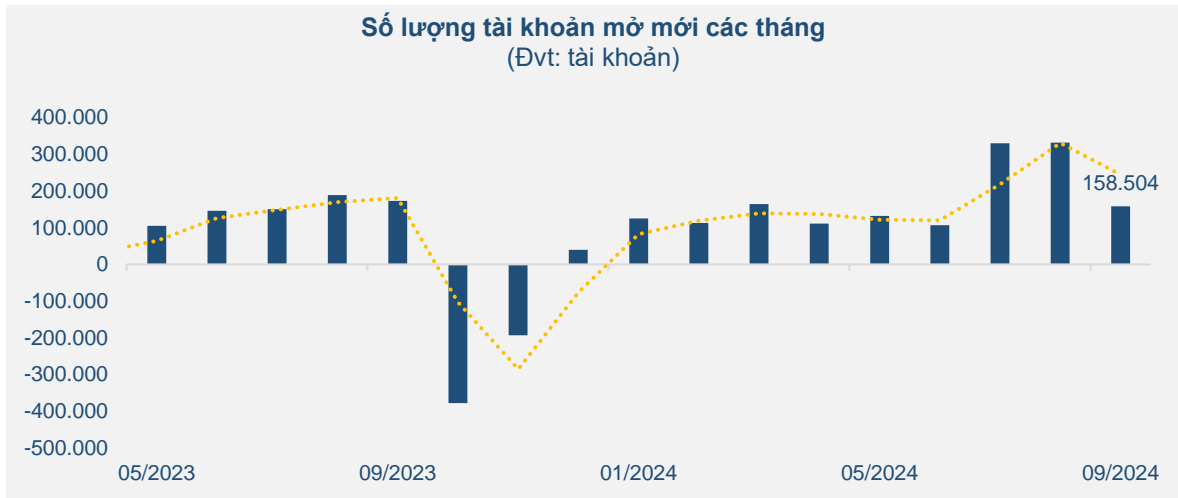
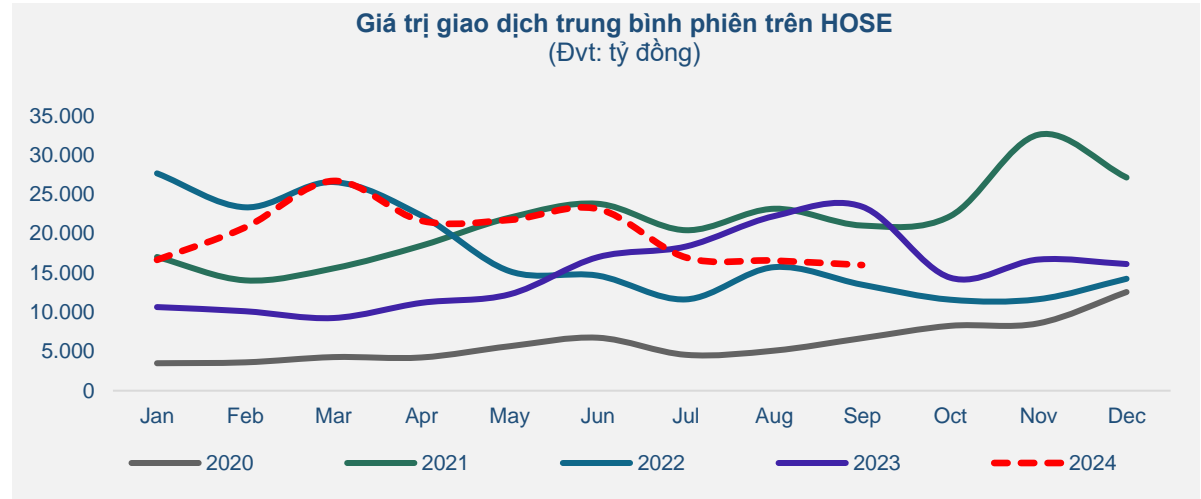
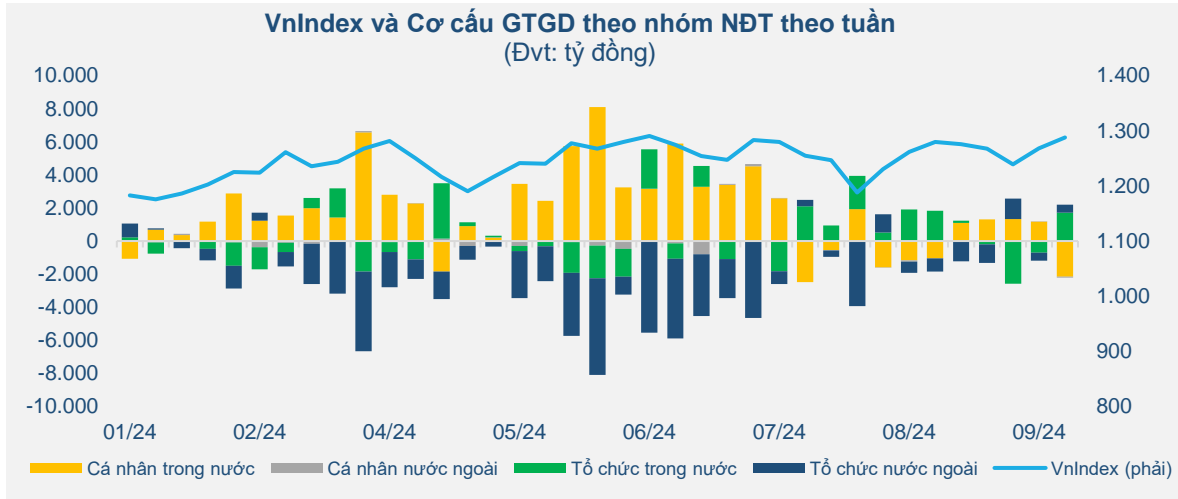
Các mã tác động lớn nhất tới VnIndex trong quý 3.2024 (Đvt: điểm)



Nguồn: Bloomberg, BVSC tổng hợp

Thanh khoản thị trường

GTGD trung bình phiên trên cả 3 sàn đạt 18,6 nghìn tỷ đồng, giảm 26,37% so với quý trước. Số lượng tài khoản mở mới trong quý 3 là 820 nghìn tài khoản, nâng tổng số tài khoản mở mới trong năm 2024 lên 1,6 triệu tài khoản.

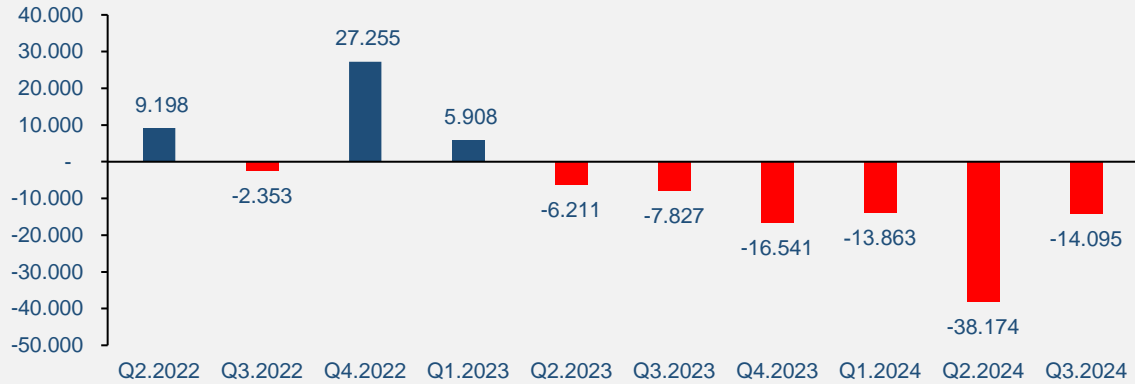


Nguồn: Bloomberg, BVSC tổng hợp

Dòng tiền ngoại

Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng hơn 14 nghìn tỷ trong quý 3, nâng giá trị bán ròng lũy kế từ đầu tư năm lên mức hơn 66 nghìn tỷ đồng. Trong đó, dòng vốn ngoại rút ra thông qua các quỹ ETFs là gần 20 nghìn tỷ đồng, riêng quý 3 là gần 5 nghìn tỷ đồng. Áp lực bán ròng tập trung chủ yếu ở nhóm Tài chính, Nguyên vật liệu và Ngân hàng.

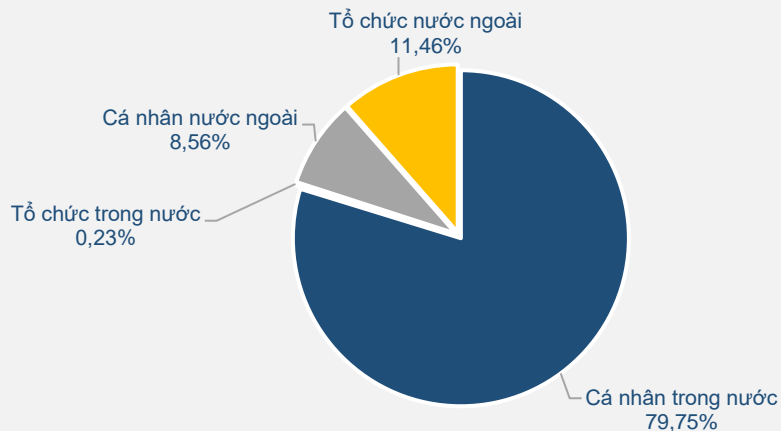
Giá trị mua bán ròng của NĐTNN trên sàn HOSE
(Đvt: tỷ đồng)



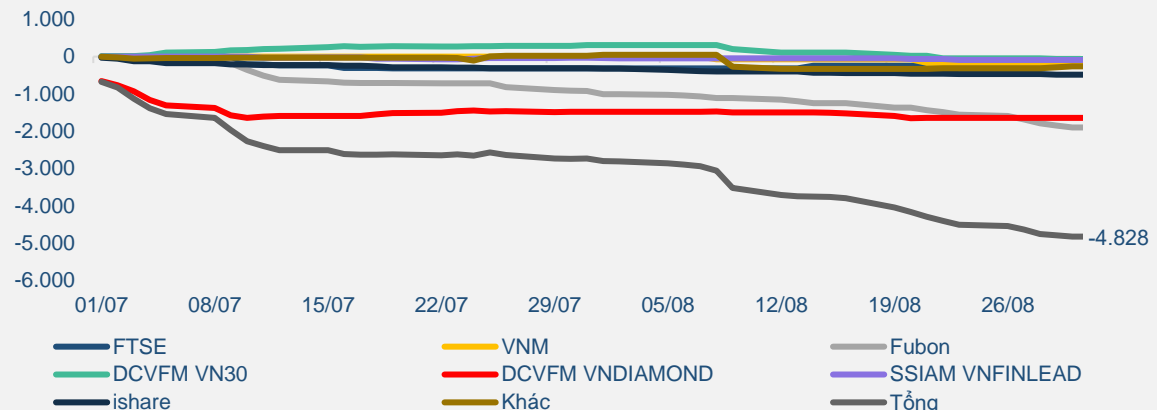
Giá trị khối ngoại mua bán ròng theo ngành trong quý 3.2024
(Đvt: tỷ đồng)



Tỷ trọng GTGD theo loại NĐT trong quý 3.2024



Dòng tiền huy động qua các quỹ ETF trong quý 3.2024
(Đvt: tỷ đồng)



Nguồn: Bloomberg, BVSC tổng hợp

TTCK Việt Nam có thể được nâng hạng lên Thị trường mới nổi hạng 2 của FTSE vào tháng 03/2025

Triển vọng nâng hạng của TTCK Việt Nam đã đạt được bước tiến quan trọng sau khi Bộ Tài chính chính thức thông qua Thông tư 68/2024/TT-BTC cho phép NĐT nước ngoài mua chứng khoán mà không cần có đủ tiền.

- Việt Nam hiện đã đạt được 7/9 nhóm tiêu chí để nâng hạng từ thị trường cận biên lên mới nổi thứ cấp theo FTSE. 2 tiêu chí mà Việt Nam chưa đạt yêu cầu của FTSE là:
 - ✓ Tiêu chí “Chu kỳ thanh toán (DvP)” được đánh giá “hạn chế”, do hiện tại thông lệ thị trường là phải kiểm tra để đảm bảo có đủ tiền trước khi thực hiện giao dịch.
 - ✓ Tiêu chí “Thanh toán – chi phí liên quan đến các giao dịch thất bại” không được đánh giá, vì theo mặc định, thị trường không diễn ra tình trạng giao dịch thất bại.
- Trong kỳ đánh giá 10/2024, FTSE ghi nhận việc Bộ Tài chính thông qua Thông tư 68/2024/TT-BTC loại bỏ yêu cầu ký quỹ trước đối với nhà đầu tư quốc tế, bằng cách cập nhật các quy định về giao dịch chứng khoán, thanh toán bù trừ giao dịch, hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin; từ đó cải thiện mô hình thanh toán “không cần ký quỹ trước” (NPF).
- Đánh giá lần này của FTSE cho thấy cơ hội thị trường chứng khoán Việt Nam nâng hạng lên thị trường mới nổi hạng 2 trở nên khả thi hơn, sau khi Việt Nam đã thực hiện các thay đổi nhằm đáp ứng các yêu cầu của FTSE. Chúng tôi cho rằng thời gian sớm nhất TTCK Việt Nam được nâng hạng sẽ vào kỳ đánh giá tháng 3/2025 – sau khi FTSE có những đánh giá cuối cùng về Chi phí giao dịch thất bại.

Tiêu chí	Thị trường mới nổi loại 2	Việt Nam
Môi trường thị trường và quy định		
Có cơ quan quản lý thị trường chứng khoán chính thức (ví dụ: SEC, FSA, SFC)	X	Đạt
Không cản trở, hạn chế đáng kể hoặc áp hình phạt đối với việc đầu tư vốn hoặc hồi hương vốn và thu nhập	X	Đạt
Thị trường chứng khoán		
Môi giới - Đủ cạnh tranh để đảm bảo dịch vụ môi giới chất lượng cao	X	Đạt
Chi phí giao dịch - chi phí ẩn và chi phí rõ ràng có tính hợp lý và cạnh tranh	X	Đạt
Độ minh bạch - thông tin độ sâu thị trường/khả năng hiển thị và quy trình báo cáo thương mại kịp thời	X	Đạt
Thanh toán bù trừ, đăng ký và lưu ký		
*Thanh toán - chi phí liên quan đến giao dịch thất bại	X	Hạn chế
Chu kỳ thanh toán (DvP)	X	T+2
Trung tâm lưu ký chứng khoán	X	Đạt
Lưu ký - Đủ cạnh tranh để đảm bảo dịch vụ giám sát chất lượng cao	X	Đạt

Nâng hạng lên thị trường mới nổi loại 2 của FTSE – Cơ hội với các cổ phiếu vốn hóa lớn

	Phân loại vốn hóa	Vốn hóa (triệu USD)	Vốn hóa điều chỉnh theo FF (triệu USD)	Tỷ lệ cổ phiếu thả nổi	Room ngoại còn lại	Thanh khoản	Cổ phiếu đủ điều kiện	Cổ phiếu có triển vọng
FTSE EM	Large cap	7.018	448	5%	20%	Tỷ lệ quay vòng tháng 0,05% trong 10/12 tháng	VCB, VHM, HPG	VIC, VNM, MSN, BID, CTG
	Mid cap	4.384					VIC, VNM, MSN	ACV, GAS, VPB, TCB, FPT
FTSE All cap	Small cap	258					STB, VRE, VJC, SSI, SHB, DGC, KDH, VND, VCI, FRT, VIX	MBB, GVR, ACB, SAB, MWG, BCM, HDB, BSR, SSB, VIB, PLX, LPB, TPB, NVL, BVH

Chỉ số	FTSE Emerging Markets	FTSE All-World Index	FTSE Global All-Cap	Các mã dự kiến sẽ được đưa vào bộ chỉ số FTSE Emerging Markets, FTSE All-World và FTSE Global All-Cap	Dự kiến giá trị mua thêm (triệu USD)
Số quỹ track theo chỉ số (chỉ bao gồm các quỹ BVSC có thể thu thập số liệu)	22	28	15	VCB	113
				VHM	116
				HPG	159
				VIC	99
				VNM	124
				MSN	97
Quỹ lớn nhất	VANGUARD FTSE EMERGING MARKETS ETF	VANGUARD FTSE ALL-WORLD EX-US ETF	VANGUARD TOTAL INTERNATIONAL STOCK INDEX FUND	Tổng	709

Nguồn: BVSC tổng hợp

TTCK Mỹ trong các năm bầu cử

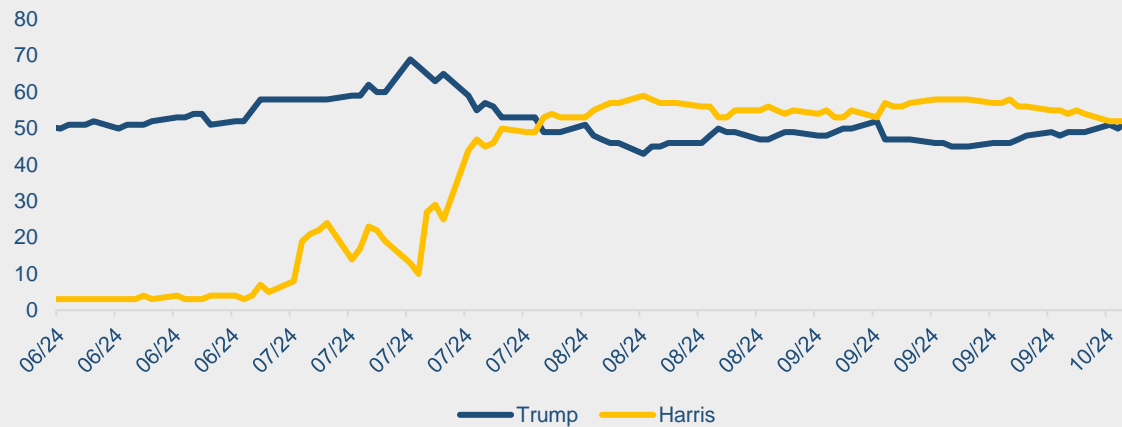
Diễn biến của chỉ số SP500 trong các năm nhiệm kỳ Tổng thống, cho thấy sau thời điểm bầu cử, TTCK Mỹ có thể biến động khó lường hơn so với các năm khác.

Năm 1	SP500	Hiệu suất	Năm 2	SP500	Hiệu suất	Năm 3	SP500	Hiệu suất	Năm 4	SP500	Hiệu suất
2021	4766,18		2022	3839,5		2023	4769,83		2024	5695,93	
2017	2673,61		2018	2506,85		2019	3230,78		2020	3756,07	
2013	1848,36		2014	2058,9		2015	2043,94		2016	2238,83	
2009	1115,1		2010	1257,64		2011	1257,61		2012	1426,19	
2005	1248,29		2006	1418,3		2007	1468,36		2008	903,25	
2001	1148,08		2002	879,82		2003	1111,92		2004	1211,92	
1997	970,43		1998	1229,23		1999	1469,25		2000	1320,28	
1993	466,45		1994	459,27		1995	615,93		1996	740,74	
1989	353,4		1990	330,22		1991	417,09		1992	435,71	
1985	211,28		1986	242,17		1987	247,08		1988	277,72	
1981	122,55		1982	140,64		1983	164,93		1984	167,24	
1977	95,1		1978	96,11		1979	107,94		1980	135,76	
1973	97,55		1974	68,56		1975	90,19		1976	107,46	
1969	92,06		1970	92,15		1971	102,09		1972	118,05	
1965	92,43		1966	80,33		1967	96,47		1968	103,86	
1961	71,55		1962	63,1		1963	75,02		1964	84,75	
1957	39,99		1958	55,21		1959	59,89		1960	58,11	
1953	24,81		1954	35,98		1955	45,48		1956	46,67	
1949	16,79		1950	20,43		1951	23,77		1952	26,57	
1945	17,36		1946	15,3		1947	15,3		1948	15,2	
1941	8,69		1942	9,77		1943	11,67		1944	13,28	
1937	10,55		1938	13,14		1939	12,46		1940	10,58	
1933	9,97		1934	9,5		1935	13,43		1936	17,18	
1929	21,45		1930	15,34		1931	8,12		1932	6,92	
Trung bình		6,63%	Trung bình		3,33%	Trung bình		13,96%	Trung bình (trừ 2008)		8,71%

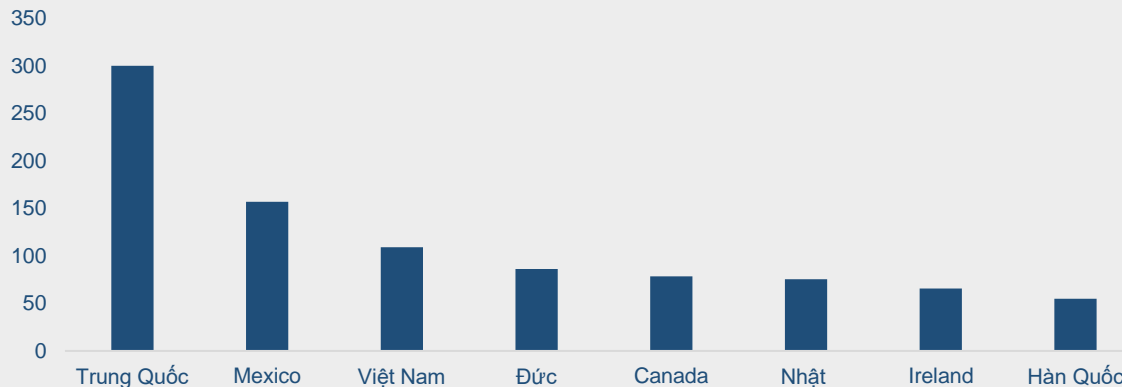
Nguồn: Bloomberg, BVSC tổng hợp

Bầu cử Tổng thống Mỹ là sự kiện có thể tạo ra biến động mạnh cho TTCK trong quý 4

Xác suất thắng cử Tổng thống Mỹ



Các quốc gia thịnh dư thương mại với Mỹ 2023
(Đvt: tỷ USD)



Diễn biến S&P500 và VnIndex quanh thời điểm bầu cử tổng thống Mỹ

	-1M	-1W	-1D	T0	1D	1W	1M
SP500	-0,51%	0,85%	1,60%	08/11/2000	-0,65%	-1,38%	-2,80%
VNINDEX	-17,84%	-5,28%	-1,82%	08/11/2000	1,82%	5,47%	19,79%
SP500	-6,05%	0,08%	-0,08%	25/11/2004	-0,34%	0,65%	1,88%
VNINDEX	5,53%	8,46%	8,22%	25/11/2004	0,16%	2,87%	8,39%
SP500	5,08%	-6,49%	-3,92%	04/11/2008	-5,27%	-10,62%	-15,96%
VNINDEX	25,09%	-10,69%	-3,54%	04/11/2008	4,53%	-2,69%	-14,62%
SP500	1,92%	-1,14%	-0,78%	06/11/2012	-2,37%	-3,77%	-1,01%
VNINDEX	2,97%	3,42%	0,08%	06/11/2012	1,05%	-0,33%	2,32%
SP500	1,13%	-1,30%	-0,38%	08/11/2016	1,11%	1,91%	4,98%
VNINDEX	1,11%	0,02%	-0,34%	08/11/2016	-0,92%	-0,33%	-2,60%
SP500	1,17%	0,64%	-1,75%	03/11/2020	2,20%	5,23%	8,83%
VNINDEX	-2,73%	1,18%	-0,18%	03/11/2020	0,47%	1,76%	9,02%

- Độ biến động của TTCK Việt Nam có thể tăng lên xung quanh thời điểm bầu cử Tổng thống Mỹ, khi mà 2 ứng viên tổng thống Mỹ năm nay có các quan điểm tương đối khác biệt về kinh tế, thương mại, chính sách đối ngoại...
- Trong trường hợp Mỹ tiến hành các chính sách nhằm hạn chế thâm hụt thương mại với các đối tác, điều này có thể gây ra tác động tiêu cực đến Việt Nam khi chúng ta hiện tại đang là quốc gia có thặng dư thương mại lớn thứ 3 với Mỹ.

Nguồn: Bloomberg, BVSC tổng hợp

Nhiều dự thảo luật quan trọng sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến trong kỳ họp tháng 10.

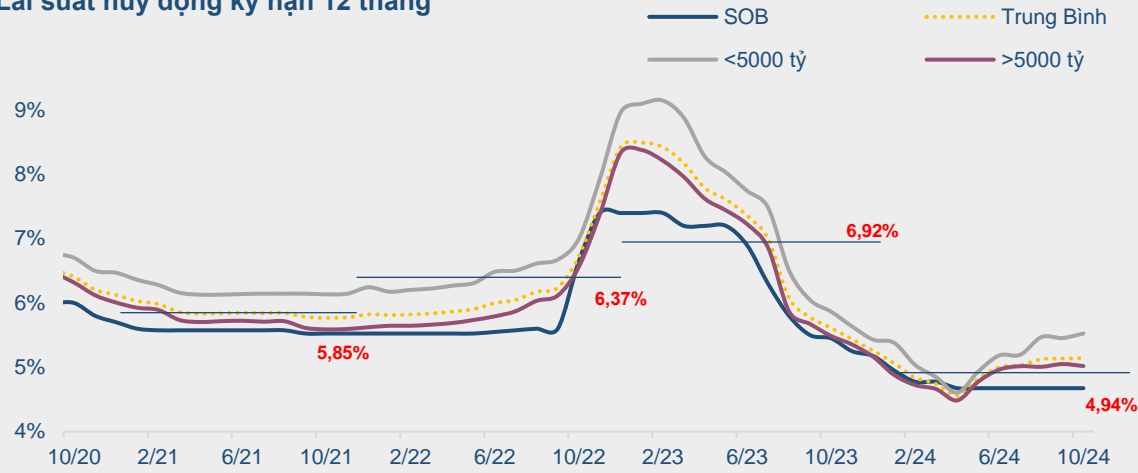
Luật	Nội dung đáng chú ý	Nhận định	Ngành ảnh hưởng
Luật Chứng khoán (sửa đổi)	Bổ sung các yêu cầu về NĐT chứng khoán chuyên nghiệp: thu nhập trong 2 năm tối thiểu 1 tỷ đồng, 10 giao dịch mỗi quý, tối thiểu 2 năm kinh nghiệm chứng khoán. Kéo dài thời gian hạn chế chuyển nhượng cho nhà đầu tư riêng lẻ từ 1 thành 3 năm.	Dự thảo bổ sung thêm các quy định bảo vệ nhà đầu tư chứng khoán, luật hóa các hành vi thao túng thị trường, nhằm nâng cao chất lượng thị trường, tăng khả năng đánh giá rủi ro.	Chứng khoán
Luật Đầu tư công (sửa đổi)	Đưa ra nhiều nội dung phân cấp, phân quyền mạnh mẽ về quyền quyết định điều chỉnh kế hoạch ĐTC trung hạn và hàng năm; quyền quyết định sử dụng dự phòng chung vốn.	Cắt giảm thủ tục, trình tự các dự án; đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án ĐTC.	Xây dựng
Luật Điện lực (sửa đổi)	Bổ sung quy định về quy hoạch phát triển điện lực, sửa đổi cách tính và điều chỉnh giá bán điện.	Cơ chế khuyến khích điện gió, điện mặt trời, LNG (đặc biệt là điện gió ngoài khơi); tạo điều kiện để thực hiện mua bán điện trực tiếp.	Điện
Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)	Đề xuất lộ trình tăng thuế đối với mặt hàng rượu, bia và bổ sung một số nước giải khát. Đề xuất Phân bón trở thành mặt hàng chịu thuế VAT 5%.	Đối với các doanh nghiệp có mặt hàng liên quan, việc gia tăng thuế có thể ảnh hưởng tiêu cực đến LNST. Doanh nghiệp phân bón được hưởng khấu trừ đầu vào, từ đó cải thiện LNST.	Tiêu dùng (giải khát) Phân bón
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi)	Thay đổi các ngành nghề được hưởng ưu đãi TNDN; loại bỏ khu công nghiệp khỏi địa bàn ưu đãi thuế TNDN; điều chỉnh thời gian miễn thuế với một số sản phẩm.	Thay đổi liên quan đến tính thuế TNDN đối với một số nhóm ngành liên quan bắt đầu từ kỳ tính thuế 2026.	Các nhóm ngành liên quan

Nguồn: BVSC tổng hợp

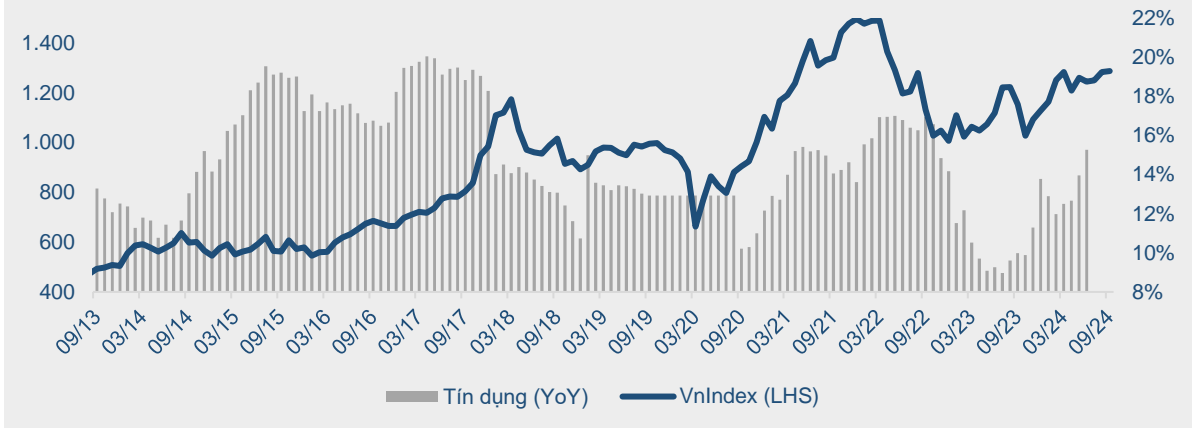
Dòng tiền nội vẫn là động lực chính dẫn dắt thị trường

Mặt bằng lãi suất thấp được duy trì, tăng trưởng tín dụng tích cực sẽ giúp dòng tiền nội ổn định và tiếp tục là động lực chính hỗ trợ thị trường trong quý 4.

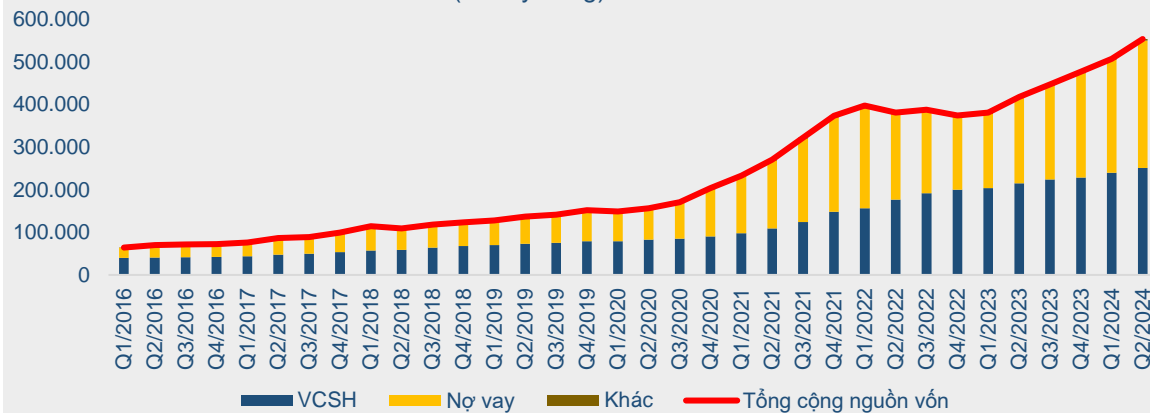
Lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng



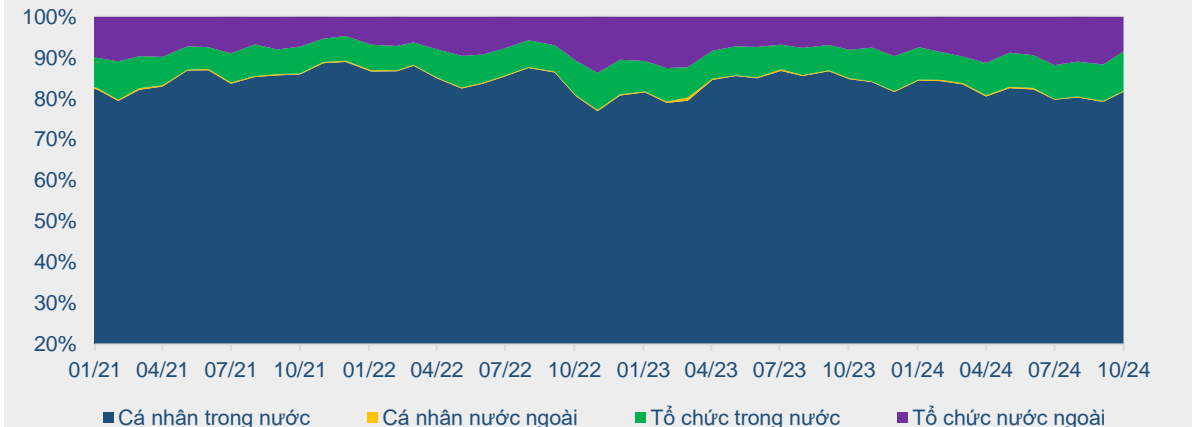
Tín dụng được kỳ vọng sẽ tăng trưởng tích cực trong quý 4



Cơ cấu nguồn vốn các CTCK (Đvt: tỷ đồng)



Tỷ trọng giao dịch theo loại hình nhà đầu tư



Nguồn: NHNN, Fiinpro, BVSC

Tăng trưởng lợi nhuận của các DNNY tăng tốc trong quý 4/2024

BVSC dự báo 80 doanh nghiệp lớn sẽ ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận 14,2% trong quý 3 và tăng trưởng 19,4% trong cả năm 2024. Tăng trưởng lợi nhuận cao sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2025.

Dự báo LNST Q3/2024

20,8%	-33,4%	-20,0%
Ngân hàng	Bất động sản	Dầu khí
26,3%	22,9%	468,7%
Hàng tiêu dùng	Phân phối	Bán lẻ
-17,3%	-12,5%	5,7%
Chứng khoán	Bảo hiểm	CNTT
45,4%	108,0%	42,4%
Đệt may	Thủy sản	Gỗ & sản phẩm gỗ
26,2%	274,7%	52,1%
Hóa chất	Phân bón	Cảng biển
NA	6,6%	33,1%
Xây dựng	Thép	Ông nhựa
14,2%	19,8%	31,4%
Bán lẻ xăng dầu	Điện	Dược phẩm
502,9%	NA	-4,1%
Khu công nghiệp	Hàng không	Cảng hàng không
-7,8%	6,3%	14,2%
Cao su tự nhiên	Cao su sẫm lớp	BVS-80

Bức tranh LNST cả năm 2024

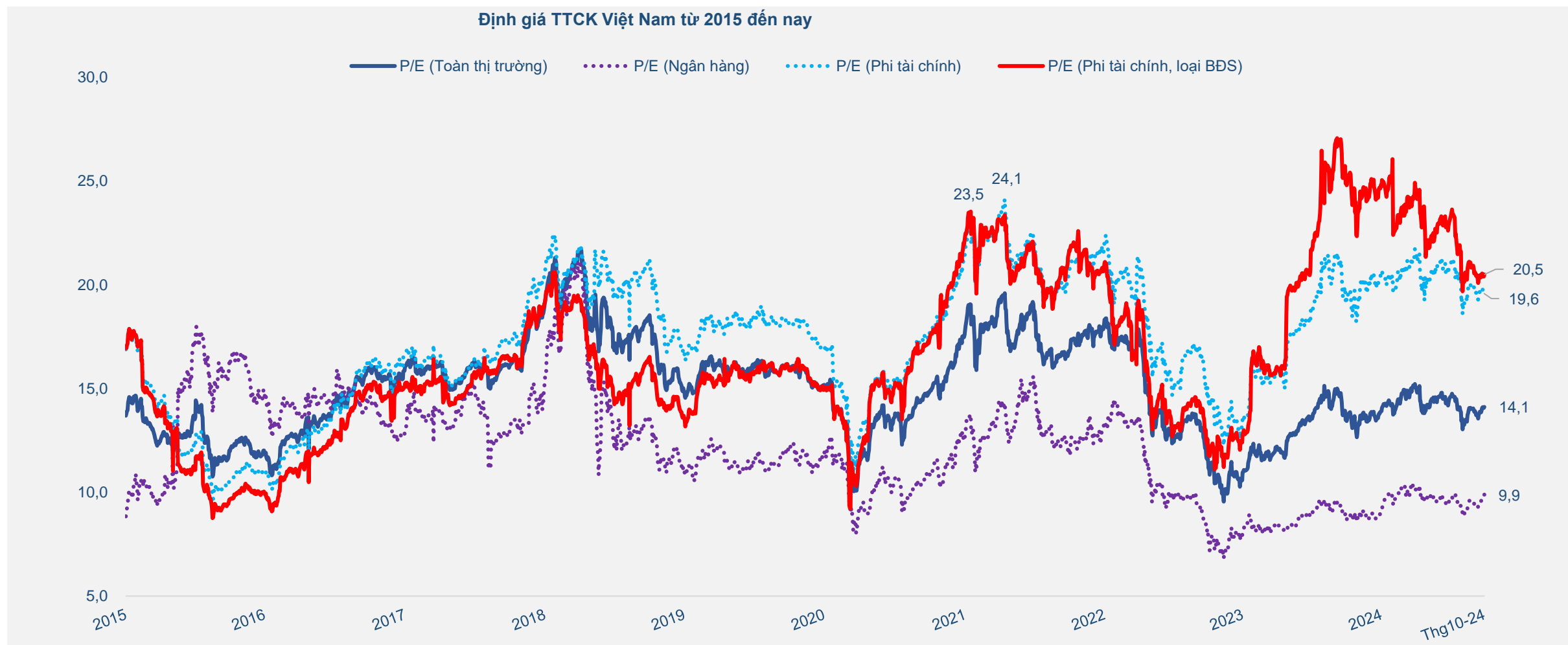
15,4%	-13,5%	-17,2%
Ngân hàng	Bất động sản	Dầu khí
27,0%	38,7%	287,5%
Hàng tiêu dùng	Phân phối	Bán lẻ
23,3%	6,1%	20,6%
Chứng khoán	Bảo hiểm	CNTT
14,7%	40,7%	42,2%
Đệt may	Thủy sản	Gỗ & sản phẩm gỗ
19,8%	134,8%	-27,6%
Hóa chất	Phân bón	Cảng biển
NA	53,5%	-2,8%
Xây dựng	Thép	Ông nhựa
42,4%	-15,0%	-4,3%
Bán lẻ xăng dầu	Điện	Dược phẩm
-2,2%	NA	39,9%
Khu công nghiệp	Hàng không	Cảng hàng không
-29,6%	19,1%	19,4%
Cao su tự nhiên	Cao su sẫm lớp	BVS-80

Tăng trưởng 2025

20,7%	12,5%	16,7%
Ngân hàng	Bất động sản	Dầu khí
13,7%	21,7%	33,2%
Hàng tiêu dùng	Phân phối	Bán lẻ
17,0%	11,1%	22,1%
Chứng khoán	Bảo hiểm	CNTT
35,5%	12,8%	10,0%
Đệt may	Thủy sản	Gỗ & sản phẩm gỗ
21,1%	28,1%	-15,1%
Hóa chất	Phân bón	Cảng biển
NA	25,3%	4,0%
Xây dựng	Thép	Ông nhựa
17,7%	17,3%	10,5%
Bán lẻ xăng dầu	Điện	Dược phẩm
102,1%	-26,1%	14,3%
Khu công nghiệp	Hàng không	Cảng hàng không
40,8%	12,2%	18,8%
Cao su tự nhiên	Cao su sẫm lớp	BVS-80

Định giá thị trường vẫn ở mức hấp dẫn trong trung - dài hạn

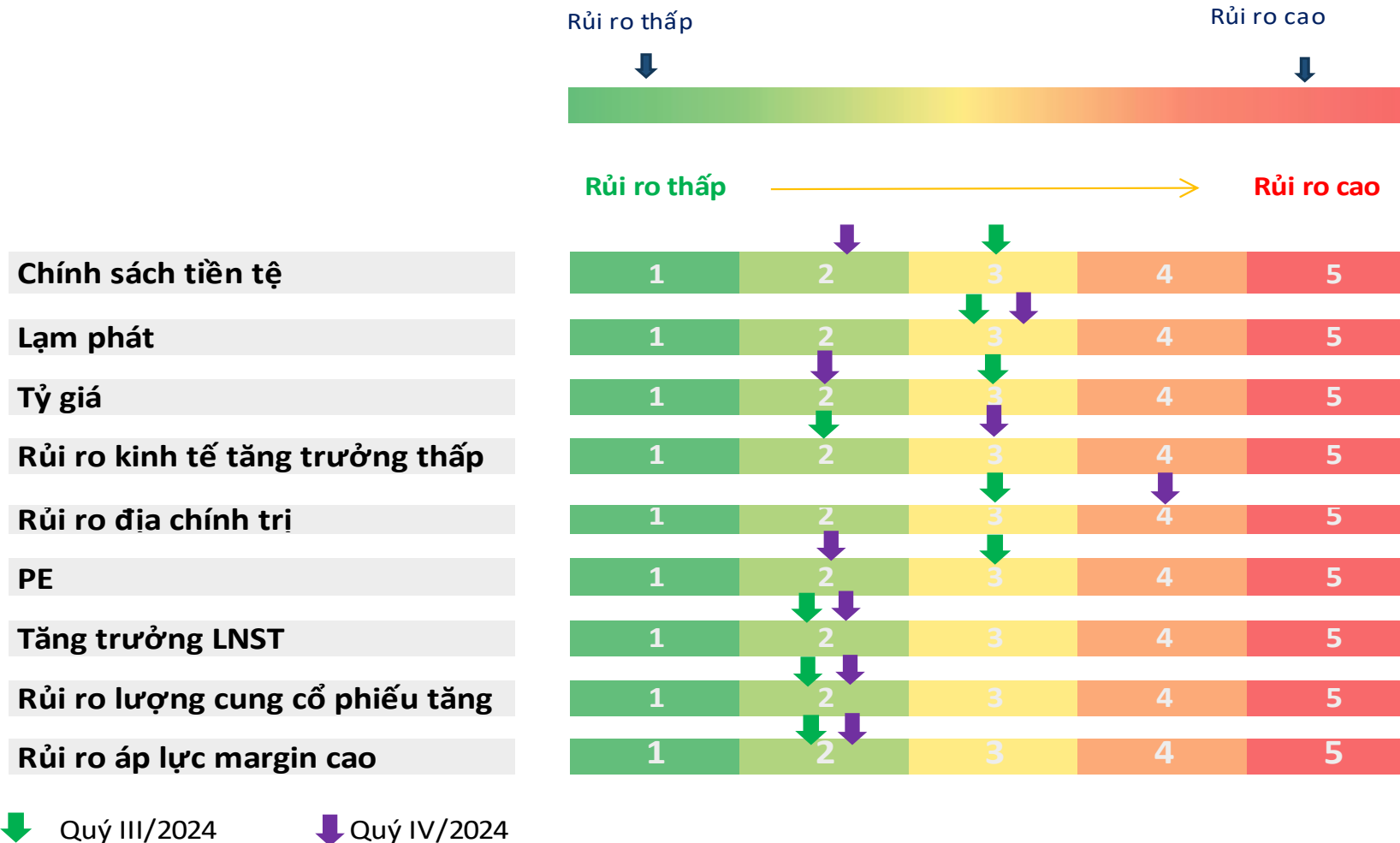
Định giá P/E của VnIndex vẫn ở mức hấp dẫn nhờ định giá thấp của nhóm Ngân hàng. Tuy vậy, định giá của nhóm phi tài chính vẫn còn neo ở vùng cao khi triển vọng lợi nhuận của nhóm này chưa có cải thiện đáng kể trong các quý vừa qua. Chúng tôi kỳ vọng với tăng trưởng lợi nhuận DNNY tăng tốc trong quý 4 và duy trì mức tăng trưởng cao trong năm 2025 sẽ giúp mặt bằng định giá của nhóm phi tài chính trở về mức hấp dẫn hơn trong giai đoạn tới.



Nguồn: Finpro, số liệu ngày 27/09/2023, BVSC

BVSC duy trì dự báo Vnindex đạt 1.350 trong năm 2024

Môi trường chính trị ổn định, mặt bằng lãi suất thấp duy trì, KQKD tăng trưởng mạnh cùng triển vọng nâng hạng là những điểm nhấn chính tạo nên sự hấp dẫn của thị trường chứng khoán. BVSC duy trì dự báo VnIndex có thể đạt 1.350 trong năm 2024.



Nguồn: Bloomberg, Fiiipro, BVSC tổng hợp

Danh mục cổ phiếu khuyến nghị của BVSC trong quý 4

Ngành	Mã	EPS 2024	EPS fw 2025	P/E 2024	PE fw 2025	P/B 2025	PB fw 2025	Giá mục tiêu (đồng/cp)	Upside	Đánh giá
Ngân hàng	VIB	3.362	4.024	5,7	4,7	1,2	1,0	24.747	29,57%	OUTPERFORM
	VCB	6.332	7.219	14,4	12,7	2,6	2,1	117.735	28,67%	OUTPERFORM
	CTG	4.094	4.976	8,9	7,3	1,7	1,4	41.962	15,76%	OUTPERFORM
	VPB	1.903	2.281	10,9	9,1	3,0	2,4	23.869	15,31%	OUTPERFORM
Bất động sản	IJC	1.080	1.387	12,7	9,9	1,1	0,9	21.700	58,39%	OUTPERFORM
	CEO	725	1.345	21,1	11,4	1,4	1,2	23.000	50,33%	OUTPERFORM
	HDC	2.136	3.482	12,2	7,5	1,9	1,6	34.700	33,21%	OUTPERFORM
	NLG	1.429	2.303	28,2	17,5	1,7	1,6	54.000	34,16%	OUTPERFORM
	KDH	1.007	1.314	37,2	28,5	1,8	1,7	49.600	32,27%	OUTPERFORM
Bán lẻ	PNJ	6.268	7.330	15,2	13,0	2,9	2,5	125.800	31,87%	OUTPERFORM
	MWG	3.094	4.073	20,8	15,8	3,4	3,1	80.600	24,96%	OUTPERFORM
Tiêu dùng	VNM	4.744	5.210	14,3	13,0	3,9	3,7	85.900	26,88%	OUTPERFORM
	MSN	1.943	2.698	41,7	30,1	2,7	2,4	95.500	17,76%	OUTPERFORM
Xuất khẩu	TNG	2.500	3.164	9,8	7,7	1,5	1,3	31.443	28,86%	OUTPERFORM
	MSH	4.067	4.722	11,1	9,6	1,9	1,7	57.700	27,23%	OUTPERFORM
	VHC	6.141	6.849	11,7	10,5	1,7	1,5	90.000	25,00%	OUTPERFORM
Đầu tư công	VCG	1.050	2.713	17,6	6,8	1,5	1,4	24.000	30,08%	OUTPERFORM
	HHV	657	1.083	18,3	11,1	0,6	0,5	15.395	28,29%	OUTPERFORM

*: Upside so với ngày 14/10/2024

Chủ đề đầu tư

- Các cổ phiếu Ngân hàng:
 - Hưởng lợi trong bối cảnh môi trường lãi suất thấp, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.
 - Định giá duy trì ở vùng hấp dẫn.
- Các cổ phiếu Bất động sản:
 - Ngành phục hồi do lãi suất thấp, các luật và chính sách đi vào hiệu lực.
 - Chúng tôi ưa thích các doanh nghiệp sở hữu quỹ đất lớn, có tình hình tài chính ổn định, tài sản để cấu trúc đáo hạn các khoản vay.
- Các cổ phiếu Bán lẻ, Tiêu dùng:
 - Kỳ vọng hiệu ứng lan tỏa từ xuất khẩu phục hồi, lương tăng và thị trường bất động sản tích cực hơn giúp người tiêu dùng tăng chi tiêu.
- Các doanh nghiệp xuất khẩu:
 - Chỉ số hàng tồn kho/doanh thu của một số nhãn hàng thời trang và thực phẩm tiếp tục hạ nhiệt so với cùng kỳ, tình hình đơn hàng của các doanh nghiệp trong nước đã khả quan hơn.
- Các doanh nghiệp đầu tư công:
 - Kỳ vọng các biện pháp, chính sách thúc đẩy đầu tư công trong các tháng cuối năm.
 - Trong dài hạn, nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng của Việt Nam vẫn lớn, tạo ra nguồn việc cho các doanh nghiệp.

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84 24) 3 928 8080

Fax: (84 24) 3 928 9888

Chi nhánh: Tầng 8, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM

Tel: (84 28) 3 914 6888

Fax: (84 28) 3 914 7999